

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội; dự toán thu, chi ngân sách;
biên chế hành chính, sự nghiệp; khoa học và công nghệ năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 quy định quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

Căn cứ Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội khóa XV về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 246/2025/QH15 ngày 14/11/2025 của Quốc hội khóa XV về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2026;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố: số 28/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách của thành phố Hà Nội và số 46/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách của thành phố Hà Nội; số 48/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 về định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội; số 482/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội năm 2026; số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2026; Kế hoạch đầu tư công năm 2026 và cập nhật Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của thành phố Hà Nội; số 491/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp của thành phố Hà Nội năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố về phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 69/2025/QĐ-UBND ngày 12/11/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; dự toán thu, chi ngân sách; biên chế hành chính, sự nghiệp; khoa học và công nghệ năm 2026 cho các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, UBND xã, phường và đơn vị thuộc Thành phố (theo các biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội, biên chế hành chính, sự nghiệp và dự toán ngân sách được giao, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị thuộc Thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường triển khai đến các đơn vị trực thuộc trên tinh thần "6 rõ": rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ hiệu quả; tuân thủ thời hạn theo quy định trước ngày 31/12/2025, và tổ chức thực hiện theo các yêu cầu sau:

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

1.1. Các sở, ban, ngành và UBND xã, phường căn cứ chỉ tiêu, nhiệm vụ Thành phố giao và Nghị quyết HĐND cấp xã, có trách nhiệm:

- Triển khai kế hoạch đến các đơn vị trực thuộc đảm bảo giao đúng, giao đủ và không thấp hơn chỉ tiêu Thành phố giao.

- Cụ thể hóa thực hiện bằng bảng, biểu chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trên tinh thần "6 rõ" để có thể kiểm đếm được theo tháng, quý, 6 tháng và năm như đề cương hướng dẫn tại Biểu A4.1, Biểu A4.2 đính kèm.

- Giám sát tiến độ thực hiện, báo cáo rõ kết quả, tình hình thực hiện, khó khăn vướng mắc và đề xuất, kiến nghị (nếu có) định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và năm 2026 gửi UBND Thành phố qua Sở Tài chính để tổng hợp.

1.2. Sở Tài chính chủ trì thường xuyên cập nhật chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo của Thành ủy và Hội đồng nhân dân Thành phố để tham mưu UBND Thành phố tổ chức thực hiện hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch năm 2026; tổng hợp kết quả thực hiện định kỳ, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

2. Triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

Các cấp, các ngành, các đơn vị thuộc Thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, pháp luật về quản lý ngành, lĩnh vực; Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2026; Kế hoạch đầu tư công năm 2026 và cập nhật Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của thành phố Hà Nội; các Nghị quyết của HĐND Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội, trong đó lưu ý một số nhiệm vụ sau:

2.1. Về thu ngân sách nhà nước

- Thuế thành phố Hà Nội, Chi cục Hải quan khu vực I chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước; cơ cấu lại nguồn thu bảo đảm tính bền vững; mở rộng cơ sở thu; chống thất thu, chuyển giá trốn thuế; gian lận thương mại, đặc biệt trong các hoạt động thương mại dựa trên nền tảng số; đôn đốc thu hồi các khoản nợ đọng thuế; đẩy mạnh triển khai thực hiện cải cách thủ tục hành chính về thuế. Triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả Đề án “Chuyển đổi mô hình và phương pháp quản lý thuế đối với hộ kinh doanh khi xóa bỏ thuế khoán” đã được Bộ Tài chính phê duyệt, tạo động lực thúc đẩy khu vực hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình, mở rộng quy mô và phát triển bền vững, đồng thời góp phần minh bạch hóa hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân, tăng cường kỷ cương, niềm tin và sự đồng thuận xã hội.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường và các sở, ngành liên quan tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về quy trình, thủ tục trong việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất, xác định giá đất, nghĩa vụ tài chính đất đai; quản lý, giám sát chặt chẽ công tác tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn đảm bảo đúng pháp luật, công khai, minh bạch; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định pháp luật trong đấu giá quyền sử dụng đất, ngăn chặn hành vi lợi dụng đấu giá quyền sử dụng đất để trục lợi, thông đồng, móc nối gây nhiễu loạn, bóp méo thị trường; khẩn trương thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố về việc rà soát quỹ đất, hoàn thiện Đề án tổng thể khai thác nguồn lực đất đai để tạo vốn phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội giai đoạn 2025-2030.

- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị thuộc Thành phố và UBND các xã, phường thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật; thực hiện quản lý, sử dụng và sắp xếp lại, xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý (nhất là đối với các công trình công sở, trụ sở, tài sản công khác sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và chính quyền địa phương 02 cấp), đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức; thực hiện việc khai thác tài sản công và sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo đúng quy định của pháp luật.

- Về giao dự toán thu phí, số phí được để lại cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí: Trong phạm vi số thu phí, số phí nộp NSNN, số phí để lại chỉ được UBND cùng cấp giao, các đơn vị dự toán cấp I thực hiện giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Căn cứ tiền độ thu và phạm vi dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại, các cơ quan, đơn vị chủ động quản lý, sử dụng cho các nội dung chi theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn. Trường hợp trong năm phát sinh số phí để lại chi cao hơn số đã giao dự toán đầu năm, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí xây dựng phương án sử dụng trong phạm vi số phí để lại tăng thêm báo cáo UBND cùng cấp để xem xét theo quy định.

- Các xã, phường giao dự toán thu ngân sách đảm bảo không thấp hơn dự toán pháp lệnh do UBND Thành phố giao; đối với các khoản thu giao cao hơn dự toán Thành phố giao thì phải đảm bảo tính khả thi trong tổ chức thực hiện, nhất là thu tiền sử dụng đất; tránh ảnh hưởng tới cân đối ngân sách và dự toán, kế hoạch vốn cho các dự án, nhiệm vụ chi đã giao dự toán đầu năm.

2.2. Về chi ngân sách nhà nước

- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị thuộc Thành phố và UBND các xã, phường phân bổ và giao dự toán đúng thời hạn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công; thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài để bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bổ sung vốn cho đầu tư phát triển; chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; có giải pháp khắc phục hạn chế trong chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công; kiên quyết điều chuyển vốn của các dự án chậm giải ngân, chậm tiến độ sang các dự án có khả năng thực hiện và giải ngân nhưng thiếu vốn. Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đấu thầu mua sắm tài sản công. Trường hợp phát hiện các cấp, đơn vị sử dụng ngân sách thanh toán, chi trả không đúng chính sách, chế độ, nhất là liên quan đến mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội,

giảm nghèo,... phải có biện pháp xử lý kịp thời để đảm bảo chính sách, chế độ được thực hiện đúng và có hiệu quả.

- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị thuộc Thành phố và UBND các xã, phường tập trung giải ngân kinh phí ngay từ đầu năm, phấn đấu giải ngân 100% dự toán được giao, tránh dồn chi vào thời điểm cuối năm, bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ; chủ động sắp xếp, xử lý để triển khai các nhiệm vụ được giao phát sinh trong năm dự toán; hạn chế tối đa bổ sung ngoài dự toán được giao, hủy dự toán hoặc chuyển nguồn sang năm sau. Đối với thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị thuộc Thành phố và UBND các xã, phường chịu trách nhiệm toàn diện trong việc quản lý, phân bổ, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với cơ quan tài chính thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách ở các đơn vị, ngân sách cấp dưới; quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch, vay nợ trong hạn mức được giao; chỉ ứng trước dự toán theo quy định của pháp luật.

- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị thuộc Thành phố giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phải đảm bảo khớp đúng dự toán được Thành phố giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi được giao; đảm bảo về thời gian theo quy định, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; đảm bảo bố trí kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đã được Trung ương và Thành phố ban hành, nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội và những nhiệm vụ được Thành phố giao.

- Các xã, phường:

+ Giao dự toán chi cho các đơn vị trực thuộc phải đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội; bố trí dự phòng ngân sách không thấp hơn mức dự phòng được cấp trên giao; phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước đảm bảo nguyên tắc chi ngân sách nhà nước được quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, trên cơ sở nhiệm vụ thực tế và chế độ, chính sách hiện hành; chủ động bố trí cơ cấu chi ngân sách năm 2026 theo nguyên tắc triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để dành nguồn lực cho đầu tư phát triển và thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thực hiện các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và cải cách chính sách tiền lương...

Trường hợp Hội đồng nhân dân xã, phường quyết định dự toán thu ngân sách cấp mình được hưởng cao hơn mức cấp trên giao, thì dự toán chi bố trí tăng thêm tương ứng (không kể tăng chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất; thu từ xử lý tài

sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã, phường quản lý được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã, phường thực hiện; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã), trong đó: (1) Dành 70% số tăng thu để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định; (2) Sử dụng 30% số tăng thu còn lại: Ưu tiên bổ sung dự phòng ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định để chủ động trong quá trình điều hành ngân sách, nguồn còn lại khả năng thực hiện đạt được dự toán thu mới phân bổ cho chi đầu tư phát triển và những nhiệm vụ, chế độ, chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định theo chế độ quy định.

+ Tổ chức chi ngân sách theo dự toán, khả năng thu ngân sách và tiến độ thực hiện một số khoản thu gắn với nhiệm vụ chi cụ thể (đặc biệt là khoản thu tiền sử dụng đất gắn với nhiệm vụ chi đầu tư phát triển). Trong điều hành tài chính - ngân sách nhà nước năm 2026, trường hợp ngân sách xã, phường có nguồn thu cân đối ngân sách dự kiến giảm so với dự toán được UBND Thành phố giao, phải chủ động sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình, rà soát, sắp xếp, cắt, giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

+ Đối với 02 lĩnh vực sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Thực hiện phân bổ, giao dự toán không được thấp hơn mức dự toán được UBND Thành phố giao.

+ Kinh phí thực hiện công tác duy trì vệ sinh môi trường, vận chuyển chất thải và công tác vệ sinh môi trường khác được xác định trên cơ sở khối lượng duy trì, đơn giá do cấp có thẩm quyền ban hành và kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, đảm bảo phù hợp khả năng cân đối ngân sách; sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, UBND xã, phường đề xuất bổ sung dự toán công tác duy trì vệ sinh môi trường gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố.

2.2.1. Đối với chi đầu tư phát triển

a) Đối với các dự án đầu tư XDCCB sử dụng vốn ngân sách cấp Thành phố:

- Việc thực hiện và giải ngân vốn đầu tư trên cơ sở danh mục và mức vốn được giao, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định khác liên quan; tuyệt đối không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản.

- Đối với các dự án đầu tư công cấp Thành phố: Thực hiện cơ chế thanh toán linh hoạt đối với các dự án đầu tư công cấp Thành phố đối với các kinh phí: (1) Công tác chuẩn bị đầu tư đối với các dự án đã được Chủ tịch UBND Thành phố giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư; (2) Nhiệm vụ quy hoạch; (3) Bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; (4) Thanh quyết toán dự án hoàn thành; (5) Lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán trong tổng nguồn vốn giao cho các công tác

này theo dự toán năm 2026 được duyệt và không phụ thuộc mức vốn giao của từng dự án thuộc Kế hoạch đầu tư ngân sách của Thành phố năm 2026 của Thành phố và đảm bảo điều kiện bố trí vốn, thanh toán theo quy định.

Căn cứ kế hoạch vốn đã được thông báo, kết quả giải ngân đến ngày 15/11/2026 và dự kiến nhu cầu vốn cả năm 2026 của các dự án thực hiện cơ chế giải ngân linh hoạt, các chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo, đề xuất UBND Thành phố qua đầu mối Sở Tài chính để tổng hợp tham mưu UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp cuối năm 2026 về phê chuẩn kế hoạch vốn chính thức cho từng dự án, làm cơ sở tiếp tục giải ngân vốn trong những tháng cuối năm và quyết toán niên độ ngân sách theo quy định.

- Đối với các dự án cấp xã ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu: UBND các xã, phường có trách nhiệm cân đối hoàn trả ngân sách cấp Thành phố kinh phí ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp xã trong trường hợp sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết kinh phí đã được hỗ trợ. Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm toàn diện về việc để xảy ra tình trạng công trình dở dang, nợ xây dựng cơ bản và triển khai thực hiện dự án không đảm bảo quy định, sử dụng nguồn ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu không đúng mục tiêu và đầu tư thiếu hiệu quả, lãng phí.

b) Đối với dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách của xã, phường theo phân cấp và vốn ngân sách Thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp xã:

- Thực hiện việc phân bổ kế hoạch đầu tư công cấp xã theo đúng Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, các Nghị định, hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương và chỉ đạo của Thành phố về đầu tư công; tiết kiệm ngay từ đầu năm 5% dự toán khi phân bổ chi đầu tư ngân sách để bổ sung nguồn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng theo chỉ đạo của Trung ương.

- UBND các xã, phường phân bổ dự toán chi đầu tư công theo phân cấp và tập trung, không dàn trải, ưu tiên cân đối, bố trí ngân sách cấp xã để: thanh toán nợ xây dựng cơ bản cấp xã (nếu có); thanh toán kinh phí quyết toán dự án hoàn thành; đối ứng ngân sách cấp xã cho các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ mục tiêu để đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án, đặc biệt các dự án hoàn thành trong năm 2026; các dự án cấp xã chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho các dự án có tiến độ giải ngân tốt để hoàn thành dự án; phần vốn còn lại bố trí đủ vốn cho các dự án thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2026 đã được HĐND Thành phố và HĐND cấp xã quyết nghị; các dự án tạo nguồn thu cho xã, phường trong năm 2026 và các năm tiếp theo. Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm toàn diện về việc để xảy ra tình trạng công trình dở dang, nợ xây dựng cơ bản và triển khai thực hiện dự án không đảm bảo quy định, thiếu hiệu quả, lãng phí.

c) Tăng cường quản lý, theo dõi, xử lý triệt để nợ đọng xây dựng cơ bản

- Rà soát, đánh giá đầy đủ số liệu nợ xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công hiện hành; thực hiện nghiêm các biện pháp đảm bảo tuyệt đối không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới. Trường hợp phát sinh nợ xây dựng cơ bản, yêu cầu ưu tiên toàn bộ nguồn ngân sách các cấp cho đầu tư phát triển, nguồn vốn tăng thu, thường vượt thu, kết dư,... để xử lý nợ xây dựng cơ bản.

UBND Thành phố sẽ xem xét trách nhiệm của các đồng chí Chủ tịch UBND xã, phường về việc: Không báo cáo trung thực, đầy đủ, kịp thời về số liệu nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án, nhiệm vụ chi cấp Thành phố giao UBND xã, phường làm chủ đầu tư và của các dự án, nhiệm vụ thuộc nhiệm vụ chi của cấp xã; không thực hiện triệt để các giải pháp xử lý nợ xây dựng cơ bản và để phát sinh nợ xây dựng cơ bản mới.

- Chỉ phê duyệt quyết định đầu tư, quyết định điều chỉnh tổng mức đầu tư khi đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách theo quy định tại Luật Đầu tư công và các văn bản quy định của Thành phố. Các dự án trong danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2026 phải thực hiện theo mức vốn kế hoạch đã giao; không được yêu cầu nhà thầu ứng vốn thi công khi chưa được bố trí vốn hoặc ứng vốn thi công vượt kế hoạch vốn đã bố trí; không phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu chưa được bố trí vốn.

d) Kho bạc Nhà nước khu vực I chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các sở ngành liên quan kiểm soát chặt chẽ việc tạm ứng, thanh toán kế hoạch vốn xây dựng cơ bản theo đúng quy định; vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, vốn thực hiện thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, vốn thanh quyết toán dự án hoàn thành theo cơ chế giải ngân linh hoạt đảm bảo điều kiện theo quy định, không để tình trạng tạm ứng kéo dài do chưa có khối lượng thực hiện, tạm ứng để bồi thường giải phóng mặt bằng nhưng không chi trả, tránh tình trạng các dự án có số dư tạm ứng theo chế độ, chưa thu hồi, chưa quyết toán đề nghị chuyển nguồn sang năm sau; hướng dẫn, đôn đốc chủ đầu tư dự án hoàn thiện hồ sơ, chứng từ các khoản đã thực hiện chi trả cho các đối tượng được nhận bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thu hồi tạm ứng theo quy định; có trách nhiệm kiểm soát chi và hướng dẫn các chủ đầu tư và kiểm soát giải ngân đối với nguồn vốn ngân sách trung ương, xổ số kiến thiết Thủ đô, vốn năm 2025 kéo dài sang năm 2026 (nếu có) trước khi giải ngân các nguồn vốn khác trong kế hoạch đầu tư công năm 2026.

đ) Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án, khắc phục triệt để tình trạng chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công. Có giải pháp hiệu quả nâng cao chất lượng công tác xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công đảm bảo phù hợp với tiến độ, khả năng triển khai thực tế của dự án; kiên quyết điều chuyển vốn của các dự án chậm tiến độ sang các dự án có khả năng thực hiện và giải ngân nhưng thiếu vốn; hạn chế tối đa việc kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân của dự án.

e) Việc nộp hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành đảm bảo theo đúng thời gian quy định; đẩy nhanh công tác thẩm định, phê duyệt quyết toán hoàn thành và thực hiện thanh quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định của Nhà nước và Thành phố về nguồn thu nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách.

g) Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi công cụ của các cá nhân, đơn vị liên quan; cá thể hoá trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gần trách nhiệm, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các cá nhân, đơn vị được giao với tiến độ thực hiện, giải ngân của từng dự án; phần đầu hoàn thành 100% kế hoạch được giao.

h) UBND các xã, phường và các chủ đầu tư dự án đầu tư công cấp Thành phố: (i) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của pháp lý nhiệm vụ, dự án và các thông tin, số liệu, tài liệu liên quan đến việc đề xuất kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 của đơn vị; (ii) Chủ động lập kế hoạch thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 đối với từng dự án, trong đó: Xác định rõ tiến độ triển khai từng hạng mục công việc, dự kiến kết quả giải ngân tương ứng và phân công nhiệm vụ cụ thể rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả; báo cáo UBND Thành phố (qua Sở Tài chính) trước **ngày 20/12/2025**; (iii) Thực hiện chế độ báo cáo về việc lập, theo dõi, giám sát, đánh giá đầu tư và chế độ báo cáo về đầu tư công theo quy định; định kỳ trước ngày 03 hàng tháng, gửi báo cáo về tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công về Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi tiến độ giải ngân và báo cáo UBND Thành phố.

2.2.2. Đối với chi thường xuyên

a) Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2026 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quy định để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương. Đối với các xã, phường, khi phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc không bao gồm 10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2026 nêu trên; đồng thời, thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (ngoài 10% tiết kiệm chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương) để thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo chỉ đạo của Trung ương.

b) Ngân sách các cấp đảm bảo các nhiệm vụ chi theo phân cấp và các chế độ, chính sách đã được Trung ương và Thành phố ban hành, bố trí dự toán chi thường xuyên ở mức hợp lý, ưu tiên nguồn lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo các Nghị quyết trụ cột, phát triển kinh tế - xã hội của Bộ Chính trị, Quốc hội¹; tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2030; củng cố, nâng cao tiềm lực quốc phòng, an ninh và đảm bảo

¹ Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân....

hoạt động của các cơ quan nhà nước sau sắp xếp tổ chức, bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và chính sách cải cách tiền lương (bao gồm quỹ tiền thưởng), không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ. Các xã, phường chủ động bố trí ngân sách cấp mình, nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn dư (nếu có) và nguồn kinh phí ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ (nếu có) để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương, Thành phố ban hành theo quy định.

c) Đối với cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, việc phân bổ và giao dự toán thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-NTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

Đối với lao động hợp đồng có thời hạn để làm chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố được phân bổ và giao dự toán kinh phí bao gồm:

- Kinh phí chi hoạt động thường xuyên trên cơ sở số lượng lao động hợp đồng được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt và định mức phân bổ dự toán chi đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ quan (theo phương pháp lũy thoái) như đối với công chức quy định tại Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 về định mức phân bổ ngân sách và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội.

Đối với các cơ quan, đơn vị chưa thực hiện tuyển dụng lao động hợp đồng có thời hạn để làm chuyên môn, nghiệp vụ nêu trên thì phân bổ và giao dự toán kinh phí chi hoạt động thường xuyên của đối tượng này vào phần dự toán không thực hiện chế độ tự chủ. Sau khi đơn vị thực hiện tuyển dụng, cơ quan, đơn vị điều chỉnh dự toán chi không thực hiện chế độ tự chủ sang dự toán chi thường xuyên thực hiện chế độ tự chủ phù hợp với thời gian cơ quan, đơn vị thực hiện ký hợp đồng với người lao động.

- Kinh phí chi tiền lương, các khoản đóng góp theo lương của đối tượng lao động hợp đồng nêu trên sẽ được phân bổ và giao trong dự toán chi không thực hiện chế độ tự chủ của các cơ quan, đơn vị trên mức lương cơ sở năm 2026 và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản đóng góp theo quy định.

Trong năm 2026, trên cơ sở thực tế tuyển dụng của các cơ quan, đơn vị, UBND Thành phố sẽ tổng hợp điều hòa, điều chỉnh dự toán của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

d) Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 02/10/2023 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ và các văn bản pháp luật hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập cấp Thành phố chưa được cơ quan có thẩm quyền giao tự chủ tài chính, được phân bổ và giao dự toán vào phần dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ: sau khi phương án tự chủ tài chính được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ sang dự toán chi thường xuyên giao tự chủ phù hợp với phương án tự chủ tài chính được phê duyệt theo quy định.

đ) Đối với việc mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác; Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND Thành phố quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị và thuê hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội và các văn bản khác có liên quan.

Đối với việc sửa chữa, cải tạo, mở rộng nâng cấp công trình tài sản công: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND Thành phố quy định việc sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách thành phố Hà Nội (theo khoản 3 Điều 35 của Luật Thủ đô); Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của UBND Thành phố quy định việc lập, phê duyệt danh mục và bố trí kinh phí sửa chữa công trình tài sản công từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách thành phố Hà Nội; Quyết định số 52/2025/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của UBND Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Quyết định của UBND Thành phố: Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 17/01/2025; Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 07/5/2025; Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 và các quy định có liên quan.

e) Đối với công tác đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, giao các Sở và xã, phường, thị trấn hoàn thành

các thủ tục đặt hàng, đấu thầu làm cơ sở để tổ chức thực hiện từ 01/01/2026 theo quy định.

2.3. Nguồn thực hiện chính sách cải cách tiền lương năm 2026

Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị thuộc Thành phố và UBND các xã, phường tiếp tục thực hiện các quy định về tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2026 như sau:

a) Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, đơn vị thuộc Thành phố tạo nguồn thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo quy định tại Nghị quyết 27-NQ/TW, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật liên quan; trong đó phạm vi, tỷ lệ trích số thu được để lại thực hiện theo quy định cụ thể tại Thông tư của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

b) Đối với các xã, phường, nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2026 thực hiện theo quy định của Trung ương và Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2026; Kế hoạch đầu tư công năm 2026 và cập nhật Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của thành phố Hà Nội², bao gồm:

- 70% tăng thu ngân sách địa phương thực hiện năm 2025 so với dự toán năm 2025 được UBND Thành phố giao (không kể thu tiền sử dụng đất; thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã, phường quản lý được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã, phường thực hiện; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã).

- 70% số tăng thu ngân sách cấp mình được hưởng (không kể thu tiền sử dụng đất; thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã, phường quản lý được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã, phường thực hiện; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã) trong trường hợp Hội đồng nhân dân các xã, phường quyết định dự toán thu ngân sách cấp mình được hưởng năm 2026 cao hơn mức dự toán năm 2026 được UBND Thành phố giao.

- Kinh phí ngân sách địa phương tiết kiệm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên (chi tiền lương, chi hoạt động theo quy định của pháp luật) do tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

² Đối với dự toán ngân sách năm 2026, HĐND Thành phố thống nhất cho phép xác định chung toàn bộ số chi tạo nguồn cải cách tiền lương từ 50% tăng thu dự toán được Trung ương giao năm 2026 so với năm 2023 tập trung ở ngân sách cấp Thành phố, không xác định ở ngân sách cấp xã.

- Số tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên năm 2026 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ).

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2025 còn dư chuyển sang.

- Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2026; riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Phạm vi trích số thu được quy định cụ thể tại Thông tư của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên được quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương (bao gồm cả quỹ tiền thưởng) và tự bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện.

2.4. Thực hiện cơ chế thưởng cho ngân sách các xã, phường tối đa 20% số thu thuế, phí, lệ phí được điều tiết về ngân sách cấp Thành phố hưởng (đối với các khoản thu thuế, phí phân cấp cho xã, phường quản lý và có điều tiết về ngân sách cấp Thành phố) tăng thêm giữa thực hiện năm 2026 so với dự toán năm 2026 nhưng phải đảm bảo không vượt quá tổng tăng thu ngân sách cấp Thành phố so với dự toán HĐND Thành phố giao năm 2026.

2.5. Về thời gian triển khai phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước

- UBND các xã, phường trình HĐND cùng cấp quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương, quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình đảm bảo thời gian phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 theo đúng quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, số 90/2025/QH15; và các văn bản pháp luật có liên quan. Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày HĐND xã, phường quyết định dự toán ngân sách, UBND cùng cấp giao dự toán ngân sách năm sau cho từng cơ quan, đơn vị để thực hiện; đồng thời, báo cáo UBND Thành phố và Sở Tài chính (đồng gửi Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện).

- Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 được cấp có thẩm quyền giao, đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp xã thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật NSNN số 89/2025/QH15. Việc phân bổ và giao dự toán phải bảo đảm thời hạn và yêu cầu quy định tại Điều 52 của Luật NSNN số 89/2025/QH15 và Điều 60 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.

- Căn cứ Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của HĐND Thành phố về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2026; Kế hoạch đầu tư công năm 2026 và cập nhật Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của thành phố Hà Nội, đối với các khoản chi chưa phân bổ chi tiết đến đơn vị dự toán cấp I, cơ quan, đơn vị được Thành phố giao chủ trì có trách nhiệm khẩn

trương xây dựng phương án phân bổ chi tiết, phối hợp với Sở Tài chính để tham mưu UBND Thành phố quyết định phân bổ theo quy định. Riêng đối với khoản kinh phí điều hành tập trung chuẩn bị đầu tư và thanh quyết toán vốn dự án hoàn thành (vốn sự nghiệp): *Giao Sở Tài chính trên cơ sở dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền; thông báo kế hoạch vốn ngân sách thanh toán cho công tác chuẩn bị đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành (vốn sự nghiệp) ra Kho bạc nhà nước làm cơ sở thanh toán kinh phí theo quy định; tổng hợp, tham mưu UBND Thành phố phê duyệt quyết định phân bổ kinh phí chuẩn bị đầu tư, kinh phí quyết toán dự án hoàn thành.*

2.6. Về điều hành quỹ ngân sách

- Các cấp ngân sách của Thành phố thực hiện giải ngân cho các nhiệm vụ chi theo tiến độ thu; khi nguồn thu chưa kịp thời, thực hiện chi theo nguyên tắc ưu tiên đảm bảo nguồn chi lương, phụ cấp, các chế độ an sinh xã hội và đảm bảo hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị.

- Các xã, phường thực hiện rút dự toán bổ sung từ ngân sách Thành phố như sau:

+ Đối với thu bổ sung cân đối ngân sách: mức rút tối đa hàng tháng không vượt quá 01/12 tổng mức bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong Quý I, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút Quý I không vượt quá 30% dự toán năm.

+ Đối với thu bổ sung có mục tiêu: theo tiến độ, khả năng triển khai các nhiệm vụ của các xã, phường và khả năng cân đối nguồn thu ngân sách cấp Thành phố.

+ Trường hợp đặc biệt cần tăng thêm tiến độ rút dự toán, UBND xã, phường có văn bản đề nghị Sở Tài chính xem xét, quyết định, đảm bảo phù hợp với khả năng nguồn thu ngân sách cấp Thành phố và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường.

3. Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp

3.1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố nghiêm túc thực hiện các nội dung sau:

a) Tổ chức thực hiện phân bổ biên chế và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo đúng số giao của UBND Thành phố trên cơ sở Nghị quyết của HĐND Thành phố. Trong năm 2026, nếu có phát sinh (tăng hoặc giảm) so với Nghị quyết HĐND về biên chế hành chính, sự nghiệp, báo cáo UBND Thành phố xem xét hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định, báo cáo HĐND Thành phố vào kỳ họp trong năm 2026.

b) Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Nghị quyết thực hiện Luật Thủ đô và các chủ trương, chính sách của Đảng

và nhà nước, đảm bảo sự đồng thuận cao từ cấp lãnh đạo đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về mục tiêu và sự cần thiết của việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế, bố trí nhân sự theo vị trí việc làm, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ theo quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của Thành phố.

c) Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy theo yêu cầu “Tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”, rà soát chức năng, nhiệm vụ của các sở đảm bảo một việc - một đầu mối xuyên suốt và không trùng chéo giữa các đơn vị theo chỉ đạo của Trung ương, quy định của Luật Thủ đô và các Kết luận, chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố.

d) Rà soát, sắp xếp, xây dựng phương án sử dụng hiệu quả biên chế được giao năm 2026. Đối với những đơn vị còn nhiều biên chế chưa sử dụng, xây dựng kế hoạch tuyển dụng hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền thực hiện tuyển dụng theo quy định; chủ động thực hiện việc tiếp nhận người có kinh nghiệm, chuyên môn đáp ứng ngay yêu cầu nhiệm vụ hoặc lựa chọn ký hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND của HĐND Thành phố (đối với các Sở, ban, ngành theo số chỉ tiêu được giao) và Nghị định số 173/2025/NĐ-CP của Chính phủ để đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách chất lượng, hiệu quả. Trong quá trình tuyển dụng, tiếp nhận, phải dự tính số chỉ tiêu biên chế tinh giản giai đoạn 2026-2031 theo quy định. Nếu đơn vị tuyển dụng vượt quá chỉ tiêu phải tinh giản, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước Thành ủy, UBND Thành phố.

3.2. Sở Nội vụ:

a) Tham mưu việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy theo yêu cầu “Tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”, rà soát chức năng, nhiệm vụ của các sở đảm bảo một việc - một đầu mối xuyên suốt và không trùng chéo giữa các đơn vị theo chỉ đạo của Trung ương, quy định của Luật Thủ đô và các Kết luận, chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố.

b) Tiếp tục tham mưu việc rà soát, hoàn thiện, điều chỉnh Đề án vị trí việc làm các cơ quan, đơn vị sau khi có hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ chuyên ngành.

c) Tiếp tục triển khai hiệu quả các Nghị quyết thực hiện Luật Thủ đô về tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ, thu nhập tăng thêm...

d) Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, trong đó tập trung: đổi mới công tác tuyển dụng gắn với đào tạo, bồi dưỡng; triển khai chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của thành phố Hà Nội, trọng tâm là các lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Nâng cao chất lượng đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo quy định mới của Trung ương theo hướng đa chiều, liên tục và lượng hoá được kết quả thực hiện nhiệm vụ; tăng

cường kỷ cương, kỷ luật lao động; thực hiện kiểm tra công vụ thường xuyên và đột xuất theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3.3. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND Thành phố phê duyệt giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của Thành phố để làm cơ sở nâng mức tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương rà soát, xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ công lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo hướng tính đúng, tính đủ làm cơ sở đặt hàng dịch vụ để áp dụng trên địa bàn Thành phố.

3.4. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị tiếp tục tham mưu các giải pháp thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sang tự chủ tài chính theo quy định của Trung ương và tình hình thực tiễn của Thủ đô.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo: Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND Thành phố phê duyệt giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của Thành phố để làm cơ sở nâng mức tự chủ tài chính các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập; Rà soát, xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ công lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo hướng tính đúng, tính đủ làm cơ sở đặt hàng dịch vụ để áp dụng trên địa bàn Thành phố.

3.5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tiếp tục đẩy nhanh các giải pháp thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

3.6. Các sở chuyên ngành khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng đề ban hành mới định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định.

4. Kế hoạch Khoa học Công nghệ

4.1. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các đơn vị tập trung nguồn lực triển khai các nhiệm vụ trong Chương trình hành động tại Quyết định số 8602-QĐ/TU ngày 15/5/2025 của Ban thường vụ Thành ủy Hà Nội cập nhật Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch thực hiện số 139/KH-UBND ngày 16/5/2025 của UBND Thành phố. Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các Nghị quyết về cơ chế, chính sách đột phá cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo triển khai thi hành Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 được HĐND Thành phố ban hành năm 2025, đặc

biệt là kinh phí triển khai cụ thể hoá 6 Nghị quyết HĐND Thành phố đã ban hành về: Thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm, Sàn Giao dịch công nghệ, Trung tâm đổi mới sáng tạo, Thử nghiệm có kiểm soát, phát triển khoa học công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo Thành phố. Các dự án lớn tầm chiến lược của Thành phố như: Các trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D), các phòng thí nghiệm chuẩn quốc tế về năng lượng – môi trường – công nghệ sinh học; y dược học và khoa học sức khỏe; công nghệ bán dẫn; xây dựng trung tâm dữ liệu tính toán hiệu năng cao (AIDC), trung tâm nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo; các dự án công viên phần mềm, công viên khoa học, công viên công nghệ sinh học...

4.2. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành và địa phương. Rà soát, xác định điểm nghẽn, những vấn đề trong quá trình phát triển cần phải giải quyết bằng khoa học công nghệ, bằng chuyển đổi số, lựa chọn các vấn đề dân sinh bức xúc như ách tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, những vấn đề an ninh phi truyền thống... để đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chuyển giao kết quả nghiên cứu và thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu. Chú trọng nghiên cứu các giải pháp quản lý đô thị lớn, thông minh, hiện đại, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao... gắn với đặc thù của một trung tâm chính trị, văn hóa, giáo dục.

4.3. Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn, đặc biệt trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô bao gồm: Công nghệ số, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ chế tạo - tự động hóa; công nghệ môi trường, giảm phát thải các-bon, ứng phó với biến đổi khí hậu, đô thị thông minh, giáo dục thông minh, y tế thông minh, công nghệ y - sinh học tiên tiến, công nghệ tài chính, công nghệ cao trong nông nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Thành phố trong từng ngành, từng lĩnh vực, gắn với chuỗi giá trị nội địa và toàn cầu, trong mối liên kết chặt chẽ với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của quốc gia. Ưu tiên thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đổi mới, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, hệ thống quản lý tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu sản phẩm chủ lực, truy xuất nguồn gốc,...

4.4. Bố trí kinh phí thực hiện các chính sách thu hút, trọng dụng, tạo môi trường làm việc thuận lợi cho các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các “kiến trúc sư trưởng” trong và ngoài nước về làm việc tại Thủ đô. Kinh phí chi trả cho chuyên gia, hỗ trợ chuyển giao, mua sắm, thay thế công nghệ, dây chuyền sản xuất cho các doanh nghiệp của Thành phố, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ

trợ thành lập doanh nghiệp khoa học, công nghệ (Spin-off); hỗ trợ học bổng đào tạo 50.000 nhân lực chất lượng cao, tuyển chọn và đào tạo 1.000 tiên sĩ (Nex1000),... từ quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Triển khai áp dụng, duy trì và cải tiến có hiệu quả, thực chất hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, đảm bảo an toàn bức xạ và an ninh nguồn phóng xạ, hoạt động doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng... Tuyên truyền, hướng dẫn và phổ biến giáo dục pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

4.6. Đẩy mạnh chuyển đổi số trên cả ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; tiếp tục xây dựng Thành phố thông minh.

4.7. Tăng cường liên kết, hợp tác trong Vùng, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương đặc biệt là Bộ Khoa học và Công nghệ và hợp tác quốc tế triển khai các hoạt động phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và phát triển các dự án tầm quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành, UBND xã, phường và các đơn vị:

- Quán triệt "6 rõ" để cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao thành kế hoạch thực hiện của đơn vị, gửi UBND Thành phố qua Sở Tài chính trước **ngày 20/12/2025** để tổng hợp. Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND Thành phố về công tác triển khai Kế hoạch năm 2026 trong Quý I năm 2026.

- Báo cáo tiến độ thực hiện, rõ kết quả đạt được, khó khăn vướng mắc và đề xuất, kiến nghị (nếu có) định kỳ **ngày 20 hàng tháng**, gửi UBND Thành phố qua Sở Tài chính để tổng hợp như đề cương hướng dẫn tại Biểu A4.3, Biểu A4.4 đính kèm.

- Tiếp tục thực hiện năm ***"Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo và phát triển"*** và phát động thi đua thực hiện hoàn thành và hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2026 đã được UBND Thành phố giao.

2. Các sở: Tài chính, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Thuế thành phố Hà Nội, Kho bạc Nhà nước Khu vực I căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường tổ chức thực hiện và giám sát, kiểm tra việc thực hiện theo quy định của Nhà nước; báo cáo UBND Thành phố có biện pháp cụ thể đối với các đơn vị không thực hiện đúng các nguyên tắc HĐND, UBND Thành phố đã thông qua và quyết định.

3. Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa và Thể thao, Quy hoạch – Kiến trúc và Thống kê thành phố Hà Nội, Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - xã hội Hà Nội chủ trì tham mưu giao cấp xã chỉ tiêu và giải pháp để thực hiện như khoản 1 Điều 2 Quyết định này, hoàn thành trước ngày 10 tháng 12 năm 2025.

4. Giao Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) chủ trì hướng dẫn, đôn đốc thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua, chú trọng xây dựng các phong trào thi đua đặc thù để giải quyết khâu yếu, việc khó và các nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị nói riêng, của Thành phố nói chung; phối hợp với Sở Tài chính đánh giá định kỳ hàng quý về tiến độ, kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của các đơn vị để đề xuất khen thưởng theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, hội, đoàn thể Thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NV, KHCN;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Các thành viên UBND Thành phố;
- Các ban HĐND Thành phố;
- Ban thi đua khen thưởng TP;
- VP ĐU UBND Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP, các PCM;
- Lưu: VT, KT_{phg}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Đại Thắng



DANH MỤC PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND thành phố Hà Nội)

- A1. Chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2026 giao sở, ban, ngành Thành phố
- A2. Chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2026 giao UBND xã, phường
- A3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu kinh tế - xã hội năm 2026 giao sở, ban, ngành
- A4.1. Đề cương triển khai thực hiện chỉ tiêu Kế hoạch năm 2026
- A4.2. Đề cương triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2026
- A4.3. Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của sở, ban, ngành
- A4.4. Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của sở, ban, ngành

BIỂU A1: CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
NĂM 2026 CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH					Chủ trì thực hiện
			2026	QI	QII	QIII	QIV	
I	Về kinh tế							
1	GRDP giá hiện hành, năm cuối kỳ	1.000 tỷ đồng	1.768,0	388,0	434,0	445,0	475,5	Thống kê HN
2	Tăng trưởng GRDP	%	11,00	10,23	10,47	11,22	11,87	Thống kê HN
2.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,60	3,43	2,80	4,34	4,06	Sở NNMT
2.2	Công nghiệp	%	9,70	8,73	9,40	9,85	10,43	Sở Công Thương
2.3	Xây dựng	%	13,46	10,17	11,96	13,97	15,31	Sở Xây dựng
2.4	Dịch vụ	%	11,54	11,06	11,07	11,73	12,21	Thống kê HN
-	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	%	13,12	12,28	12,07	13,61	14,29	Sở Công Thương
-	Vận tải kho bãi	%	13,54	14,00	12,73	13,46	13,99	Sở Xây dựng
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	13,00	12,89	12,21	12,91	13,74	Sở Du lịch
-	Thông tin và truyền thông	%	11,34	10,80	11,27	11,47	11,77	Sở KHCN
-	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	10,70	9,77	10,37	10,93	11,36	Sở Tài chính; Ngân hàng Nhà nước KVI
-	Hoạt động kinh doanh bất động sản	%	9,56	9,04	9,31	9,59	10,16	Sở Xây dựng
-	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	%	10,07	9,08	9,86	10,21	10,84	Sở KHCN
-	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	%	12,95	12,67	11,86	13,63	13,80	Thống kê HN
-	Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị- xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	%	10,00	9,48	9,81	10,15	10,45	Thống kê HN
-	Giáo dục và đào tạo	%	9,96	9,34	9,72	9,97	11,26	Sở GDĐT
-	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	%	10,07	9,73	9,96	10,32	10,39	Sở Y tế
-	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	%	11,11	11,58	10,13	11,26	11,47	Sở VHTT
-	Hoạt động dịch vụ khác	%	8,32	7,24	8,14	8,61	9,10	Thống kê HN
-	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	%	9,36	8,75	9,02	9,61	10,00	Thống kê HN
2.5	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	8,31	7,69	8,25	8,62	8,67	Thống kê HN
3	GRDP bình quân/người	Tr. đồng	198					Thống kê HN
4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	35					Sở KHCN

A

TT	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH					Chủ trì thực hiện
			2026	QI	QII	QIII	QIV	
5	Tỷ trọng công nghiệp văn hóa trong GRDP	%	*					Sở VH TT
6	Đóng góp của TFP vào tăng trưởng	%	60					Viện KTXH HN
7	Thu ngân sách nhà nước	1.000 tỷ đồng	650,1	187,7	152,5	147,5	162,5	Sở Tài chính
-	<i>Thuế xuất nhập khẩu</i>	<i>1.000 tỷ đồng</i>	<i>36,6</i>	<i>7,3</i>	<i>8,8</i>	<i>9,5</i>	<i>11,0</i>	Chi cục HQ KVI
-	<i>Thu dầu thô</i>	<i>1.000 tỷ đồng</i>	<i>3,5</i>	<i>0,9</i>	<i>0,9</i>	<i>0,9</i>	<i>0,9</i>	Thuế TP HN
-	<i>Thu nội địa</i>	<i>1.000 tỷ đồng</i>	<i>610,0</i>	<i>179,5</i>	<i>142,8</i>	<i>137,1</i>	<i>150,6</i>	Thuế TP HN
8	Vốn đầu tư xã hội thực hiện trên địa bàn	1.000 tỷ đồng	730,0	109,1	157,4	193,8	269,7	Sở Tài chính
9	Kim ngạch xuất khẩu tăng	%	12,0	8,7	16,0	41,8	11,7	Sở Công Thương
10	Chỉ số giá tiêu dùng	%	< 4,5	< 4,5	< 4,5	< 4,5	< 4,5	Sở Công Thương
11	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	4,5	1,0	1,0	1,0	1,5	Sở Tài chính
II	Về văn hóa, xã hội							
12	Dân số năm cuối kỳ	1.000 người	8.928,8					Thống kê HN
13	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	76,6					Sở Y tế
-	<i>Trong đó, số năm sống khỏe</i>	<i>Tuổi</i>	<i>67</i>					Sở Y tế
14	Chỉ số phát triển con người (HDI)	%	0,835					Thống kê HN
15	Chỉ số hạnh phúc	Tiêu chí	*					Viện KTXH HN
16	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	1.000 người	4.250					Thống kê HN
17	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	75,8					Sở Nội vụ
-	<i>Trong đó, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ</i>	<i>%</i>	<i>55,5</i>					Sở Nội vụ
18	Tỷ lệ thất nghiệp đô thị	%	< 3,0					Sở Nội vụ
19	Năng suất lao động năm cuối kỳ (giá hiện hành)	Tr. đồng/LĐ	410,0					Thống kê HN
20	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	16,1					Sở Y tế
21	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	36,8					Sở Y tế
22	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%	96,25					BHXX KVI
23	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trên lực lượng lao động	%	49					BHXX KVI
24	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên lực lượng lao động	%	4					BHXX KVI
25	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp trên lực lượng lao động	%	46,5					BHXX KVI

TT	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH					Chủ trì thực hiện
			2026	QI	QII	QIII	QIV	
26	Tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần	%	100					Sở Y tế
27	Số trường học công lập đạt chuẩn quốc gia:							Sở GDĐT
-	Công nhận mới	Trường	88					Sở GDĐT
-	Công nhận lại	Trường	183					Sở GDĐT
-	Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia	%	81,2					Sở GDĐT
28	Tỷ lệ nghèo đa chiều (theo tiêu chí của Thành phố)	%	*					Sở NNMT
29	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Tr. đồng/ người	9,0					Thống kê HN
30	Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	100					Sở Xây dựng; Sở NNMT
31	Số xã được công nhận NTM	Xã	3					Sở NNMT
III	Về quy hoạch, đô thị, nông thôn và môi trường							
32	Tỷ lệ đô thị hóa	%	*					Sở QHKT
33	Tỷ lệ vận tải HKCC đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân	%	22					Sở Xây dựng
34	Tổng số nhà ở xã hội hoàn thành	Căn nhà	18.000					Sở Xây dựng
35	Diện tích nhà ở bình quân	m ² /người	30,5					Sở Xây dựng
36	Diện tích cây xanh đô thị bình quân	m ² /người	7,9					Sở Xây dựng
37	Tỷ lệ che phủ rừng	%	5,53					Sở NNMT
38	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	100					Sở NNMT
39	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100					Sở Y tế
40	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	100					Sở Xây dựng
41	Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị	%	> 50,2					Sở Xây dựng
42	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100					Sở Công Thương
43	Tỷ lệ số ngày trong năm có chỉ số chất lượng không khí ở mức tốt và trung bình	%	> 80					Sở NNMT

Ghi chú *: Chỉ tiêu căn cứ thể hóa trước ngày 10/12/2025. Các sở, ban, ngành cụ thể hóa các chỉ tiêu (theo Quyết định 4380/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 của UBND TP; số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính) trong ngành, lĩnh vực phụ trách và chia theo từng quý để thực hiện

BIỂU A2: CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026
GIAO UBND XÃ, PHƯỜNG THỰC HIỆN
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

T T	ĐƠN VỊ	Thu NSNN trên địa bàn, tỷ đồng	Số trường công lập đạt chuẩn QG *		Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	Tỷ lệ LĐ tham gia BHXH bắt buộc/LLLĐ, %	Tỷ lệ LĐ tham gia BHXH tự nguyên/LLLĐ, %	Tỷ lệ LĐ tham gia BHTN/LLLĐ, %	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, %	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, thu gom và vận chuyển trong ngày	Xây dựng xấp đạt chuẩn nông thôn mới	Ghi chú
			CN mới	CN lại								
a	b	I	2.1	2.2	3	4	5	6	7	8	9	c
	PHƯỜNG	226.142,8	11	66								
1	Ba Đình	2.177,8	0	3	96,50	49,00	4,00	48,00	100	100		
2	Bạch Mai	1.830,9	1	1	96,00	49,00	4,10	46,00	100	100		
3	Bồ Đề	3.413,7	0	5	96,80	51,00	4,00	48,00	100	100		
4	Cầu Giấy	9.298,5	0	0	96,30	49,00	4,00	47,50	100	100		
5	Chương Mỹ	410,7	0	3	95,50	47,40	3,40	45,40	100	100		
6	Cửa Nam	24.094,7	0	0	96,40	49,00	5,50	46,60	100	100		
7	Đại Mỗ	5.854,3	0	0	96,50	47,50	3,20	45,50	100	100		
8	Định Công	1.416,6	0	0	96,40	49,60	4,00	48,50	100	100		
9	Đống Đa	10.888,3	1	0	96,00	49,00	4,00	47,60	100	100		
10	Đông Ngạc	955,1	0	3	95,90	47,60	3,20	46,70	100	100		
11	Dương Nội	2.512,5	1	0	95,90	49,00	4,00	46,00	100	100		
12	Giảng Võ	2.883,2	1	2	96,50	49,00	4,00	48,00	100	100		
13	Hà Đông	4.463,5	0	1	95,90	49,00	4,00	46,00	100	100		
14	Hai Bà Trưng	9.320,1	0	0	95,80	49,00	4,00	46,00	100	100		
15	Hoàn Kiếm	10.149,3	0	1	96,40	49,00	5,50	46,60	100	100		
16	Hoàng Liệt	1.217,7	0	0	96,10	50,00	4,00	48,50	100	100		
17	Hoàng Mai	2.384,5	0	0	96,30	49,30	4,00	48,70	100	100		
18	Hồng Hà	1.168,0	0	2	96,00	48,00	3,80	45,50	100	100		
19	Khuong Đình	5.684,8	1	0	96,10	47,50	3,20	46,60	100	100		
20	Kiến Hưng	846,2	0	0	95,90	49,00	4,00	46,00	100	100		
21	Kim Liên	2.288,9	0	3	96,00	49,00	4,00	47,60	100	100		
22	Láng	4.159,6	0	1	96,00	49,00	4,00	47,60	100	100		
23	Lĩnh Nam	496,8	0	0	95,90	49,00	4,00	46,30	100	100		
24	Long Biên	3.012,0	0	5	96,80	51,00	4,00	48,00	100	100		
25	Nghĩa Đô	2.466,7	0	0	96,30	49,00	4,00	47,50	100	100		
26	Ngọc Hà	3.904,9	0	2	96,50	49,00	4,00	48,00	100	100		
27	Ô Chợ Dừa	4.865,5	0	0	96,00	49,00	4,00	47,60	100	100		
28	Phú Diễn	1.489,4	0	0	95,90	47,60	3,20	46,70	100	100		
29	Phú Lương	524,6	0	2	95,90	49,00	4,00	46,00	100	100		
30	Phú Thượng	13.694,2	0	2	96,00	48,00	3,40	47,00	100	100		
31	Phúc Lợi	14.879,9	0	1	96,80	51,00	4,00	48,00	100	100		

T T	ĐƠN VỊ	Thu NSNN trên địa bàn, tỷ đồng	Số trường công lập đạt chuẩn QG *		Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	Tỷ lệ LĐ tham gia BHXH bắt buộc/LLLĐ, %	Tỷ lệ LĐ tham gia BHXH tự nguyện/LLLĐ, %	Tỷ lệ LĐ tham gia BHYT/LLLĐ, %	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, %	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, thu gom và vận chuyển trong ngày	Xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới	Ghi chú
			CN mới	CN lại								
a	b	l	2.1	2.2	3	4	5	6	7	8	9	c
32	Phương Liệt	1.600,9	0	1	96,10	47,50	3,20	46,60	100	100		
33	Sơn Tây	720,4	2	0	95,60	49,00	4,00	42,00	100	100		
34	Tây Hồ	3.819,8	0	7	96,00	48,00	3,40	47,00	100	100		
35	Tây Mỗ	2.619,8	0	0	96,50	47,50	3,20	45,50	100	100		
36	Tây Tựu	267,0	0	4	95,90	47,60	3,20	46,70	100	100		
37	Thanh Liệt	1.325,5	1	4	95,90	48,00	3,50	46,00	100	100		
38	Thanh Xuân	6.300,3	0	0	96,30	47,50	3,20	46,60	100	100		
39	Thượng Cát	432,7	0	2	95,90	47,60	3,20	46,70	100	100		
40	Từ Liêm	9.923,5	0	1	96,50	47,50	3,20	45,50	100	100		
41	Tùng Thiện	232,8	0	1	95,60	49,00	4,00	42,00	100	100		
42	Tương Mai	1.472,0	0	0	96,40	49,10	4,00	48,50	100	100		
43	Vân Miếu-QTG	1.033,4	0	1	96,00	49,00	4,00	47,60	100	100		
44	Việt Hưng	4.976,1	1	3	96,80	51,00	4,00	48,00	100	100		
45	Vĩnh Hưng	2.259,6	0	2	96,40	49,70	4,00	48,80	100	100		
46	Vĩnh Tuy	1.948,7	0	1	96,20	49,15	4,20	46,15	100	100		
47	Xuân Đình	10.740,1	0	1	95,90	47,60	3,20	46,70	100	100		
48	Xuân Phương	3.962,4	0	0	96,50	47,50	3,20	45,50	100	100		
49	Yên Hòa	17.404,1	2	0	96,30	49,00	4,00	47,50	100	100		
50	Yên Nghĩa	499,5	0	1	95,90	49,00	4,00	46,00	100	100		
51	Yên Sở	1.851,2	0	0	96,30	49,60	4,00	48,60	100	100		
	XÃ	67.491,3	73	113								
1	An Khánh	2.581,6	1	1	96,20	49,10	4,10	47,50	100	100		
2	Ba Vì	36,9	0	5	96,00	48,00	4,00	45,00	100	100		
3	Bát Bạt	74,7	3	1	96,00	48,00	4,00	45,00	100	100		
4	Bát Tràng	302,8	0	0	96,00	49,00	4,00	46,50	100	100		
5	Bình Minh	268,5	0	2	95,50	47,50	3,60	45,50	100	100		
6	Chương Dương	366,0	5	0	95,20	47,50	4,00	45,50	100	100		
7	Chuyên Mỹ	325,5	2	1	95,00	47,00	4,00	43,20	100	100		
8	Cổ Đô	96,0	1	3	96,00	48,00	4,00	45,00	100	100		
9	Đa Phúc	337,1	0	1	95,80	48,50	3,50	46,20	100	100		
10	Đại Thanh	1.155,5	1	3	95,90	48,00	3,50	46,00	100	100		
11	Đại Xuyên	251,1	2	0	95,00	47,00	4,00	43,20	100	100		
12	Dân Hoà	306,7	0	3	95,40	47,40	3,50	45,40	100	100		
13	Đan Phượng	854,6	0	1	95,90	49,00	3,80	46,50	100	100	1	
14	Đoài Phương	276,0	2	0	95,60	49,00	4,00	42,00	100	100		

T T	ĐƠN VỊ	Thu NSNN trên địa bàn, tỷ đồng	Số trường công lập đạt chuẩn QG *		Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	Tỷ lệ LĐ tham gia BHXH bắt buộc/LLLD, %	Tỷ lệ LĐ tham gia BHXH tự nguyện/LLLD, %	Tỷ lệ LĐ tham gia BHYT/LLLD, %	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, %	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, thu gom và vận chuyển trong ngày	Xây dựng xấp xỉ đạt chuẩn nông thôn mới	Ghi chú
			CN mới	CN lại								
a	b	1	2.1	2.2	3	4	5	6	7	8	9	c
15	Đông Anh	13.796,3	4	0	96,00	49,00	4,00	47,00	100	100		
16	Dương Hòa	291,5	0	0	96,00	48,90	3,90	45,20	100	100		
17	Gia Lâm	4.285,7	0	7	96,50	49,00	4,00	46,50	100	100	1	
18	Hạ Bằng	262,5	0	0	95,80	49,00	3,50	46,00	100	100		
19	Hát Môn	1.617,7	1	1	95,60	49,00	4,00	45,00	100	100		
20	Hòa Lạc	1.300,3	0	0	95,80	49,00	3,50	46,00	100	100		
21	Hoà Phú	42,6	0	1	95,40	47,20	3,30	45,20	100	100		
22	Hoà Xá	138,1	1	1	95,60	46,60	3,00	42,50	100	100		
23	Hoài Đức	1.419,4	1	0	96,00	49,00	4,10	46,90	100	100		
24	Hồng Sơn	220,0	0	1	95,60	46,30	3,00	42,70	100	100		
25	Hồng Vân	705,5	1	0	95,20	47,50	4,00	45,50	100	100		
26	Hưng Đạo	209,8	1	1	95,80	48,50	3,30	45,00	100	100		
27	Hương Sơn	262,3	0	1	95,60	46,30	3,00	42,70	100	100		
28	Kiều Phú	480,9	0	3	95,80	48,50	3,30	45,00	100	100		
29	Kim Anh	405,3	1	2	95,80	48,50	3,50	46,20	100	100		
30	Liên Minh	326,5	0	1	95,70	48,00	3,50	46,20	100	100		
31	Mê Linh	1.203,4	1	3	95,80	47,00	3,00	45,50	100	100		
32	Mình Châu	20,6	0	0	96,00	48,00	4,00	45,00	100	100		
33	Mỹ Đức	142,9	0	1	95,60	46,30	3,00	42,70	100	100		
34	Nam Phù	207,3	0	6	95,90	48,00	3,50	46,00	100	100		
35	Ngọc Hồi	509,9	0	1	95,90	48,00	3,50	46,00	100	100		
36	Nội Bài	1.310,6	0	0	95,80	48,50	3,50	46,20	100	100		
37	Ô Diên	870,7	0	3	95,80	49,00	3,70	46,40	100	100		
38	Phú Cát	179,7	6	2	95,80	48,50	3,30	45,00	100	100		
39	Phù Đồng	2.227,6	0	7	96,50	49,00	4,00	46,50	100	100		
40	Phú Nghĩa	373,7	4	1	95,50	47,50	3,60	45,50	100	100		
41	Phú Xuyên	366,0	1	4	95,00	47,00	4,00	43,20	100	100		
42	Phúc Lộc	252,2	1	3	95,60	49,00	4,00	45,00	100	100		
43	Phúc Sơn	146,5	0	1	95,60	46,30	3,00	42,70	100	100		
44	Phúc Thịnh	1.879,5	1	1	96,00	49,00	4,00	47,00	100	100		
45	Phúc Thọ	467,2	2	3	95,60	49,00	4,00	45,00	100	100		
46	Phượng Dực	348,5	1	8	95,00	47,00	4,00	43,20	100	100		
47	Quảng Bị	88,4	1	0	95,40	47,20	3,30	45,20	100	100		
48	Quang Minh	3.254,5	6	3	95,80	47,00	3,00	45,50	100	100		
49	Quảng Oai	663,8	0	1	96,00	48,00	4,00	45,00	100	100		

T T	ĐƠN VỊ	Thu NSNN trên địa bàn, tỷ đồng	Số trường công lập đạt chuẩn QC *		Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	Tỷ lệ LĐ tham gia BHXH bắt buộc/LLLD, %	Tỷ lệ LĐ tham gia BHXH tự nguyện/LLLD, %	Tỷ lệ LĐ tham gia BHYTN/LLLD, %	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, %	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, thu gom và vận chuyển trong ngày	Xây dựng xấp xỉ đạt chuẩn nông thôn mới	Ghi chú
			CN mới	CN lại								
a	b	l	2.1	2.2	3	4	5	6	7	8	9	c
50	Quốc Oai	568,9	0	3	95,80	48,50	3,30	45,00	100	100		
51	Sóc Sơn	2.226,4	2	2	95,80	48,50	3,50	46,20	100	100		
52	Sơn Đồng	1.444,1	1	4	96,00	48,90	3,90	45,20	100	100		
53	Suối Hai	327,4	1	0	96,00	48,00	4,00	45,00	100	100		
54	Tam Hưng	421,5	0	0	95,40	47,40	3,50	45,40	100	100		
55	Tây Phương	396,0	1	0	95,80	49,00	3,50	46,00	100	100		
56	Thạch Thất	164,8	0	1	95,80	49,00	3,50	46,00	100	100		
57	Thanh Oai	895,8	1	0	95,40	47,40	3,50	45,40	100	100		
58	Thanh Trì	1.141,4	0	1	95,90	48,00	3,50	46,00	100	100	1	
59	Thiên Lộc	1.760,5	1	1	96,00	49,00	4,00	47,00	100	100		
60	Thư Lâm	1.837,5	2	2	96,00	49,00	4,00	47,00	100	100		
61	Thuận An	463,9	0	1	96,00	49,00	4,00	46,50	100	100		
62	Thượng Phúc	208,3	1	0	95,20	47,50	4,00	45,50	100	100		
63	Thường Tín	843,2	1	0	95,50	47,50	4,00	45,50	100	100		
64	Tiến Thắng	465,1	1	0	95,80	47,00	3,00	45,50	100	100		
65	Trần Phú	62,8	0	1	95,40	47,20	3,30	45,20	100	100		
66	Trung Giã	282,0	0	1	95,80	48,50	3,50	46,20	100	100		
67	Ứng Hòa	113,9	3	1	95,60	46,60	3,00	42,50	100	100		
68	Ứng Thiên	135,1	2	2	95,60	46,60	3,00	42,50	100	100		
69	Vân Đình	194,1	0	0	95,60	46,60	3,00	42,50	100	100		
70	Vật Lại	230,8	0	2	96,00	48,00	4,00	45,00	100	100		
71	Vĩnh Thanh	4.380,5	1	2	96,00	49,00	4,00	47,00	100	100		
72	Xuân Mai	319,1	2	0	95,40	47,30	3,40	45,30	100	100		
73	Yên Bái	99,1	1	1	96,00	48,00	4,00	45,00	100	100		
74	Yên Lãng	647,3	1	0	95,80	47,00	3,00	45,50	100	100		
75	Yên Xuân	351,9	0	0	95,80	49,00	3,50	46,00	100	100		
	TỔNG SỐ	293.634,1	84	179	96,25	49,00	4,00	46,50	100	100	3	

Ghi chú * - Kế hoạch năm 2026 số trường học do Sở GDĐT quản lý: 4 trường công nhận mới; 4 trường công nhận lại.

- Các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2026 về: Giá trị sản phẩm trên địa bàn; Thu nhập bình quân đầu người; Giảm hộ nghèo sẽ được giao thực hiện trước ngày 10/12/2025.

- Ngoài các chỉ tiêu này, căn cứ hướng dẫn của Thành phố về xây dựng chỉ tiêu kế hoạch (số 10-HD/TU ngày 26/6/2025 của Thành ủy; số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), UBND xã, phường giao bổ sung các chỉ tiêu phù hợp thực tế của địa bàn để thực hiện.

BIỂU A3: NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026 GIAO SỞ, BAN, NGÀNH
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
I	Hoàn thiện tổ chức bộ máy và thể chế, chính sách phát triển Thủ đô; tiếp tục cải cách hành chính			
1	Hoàn thiện bộ máy tổ chức của các xã, phường; bảo đảm vận hành đồng bộ, hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp. Nghiên cứu, triển khai cơ chế chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các phường, xã	Quý I/2026
2	Cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Quý II/2026
3	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế, mọi nguồn lực, nhất là các nguồn lực: tài nguyên nhân văn, tài nguyên đất đai, tài nguyên số...	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành	Quý III/2026
4	Xây dựng nền quản trị chính quyền địa phương hiện đại, gắn với chuyển đổi số. Hướng dẫn, đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, nhất là kỹ năng số và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPI) của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lấy mức độ hài lòng của Nhân dân, uy tín và hiệu quả là thước đo.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND phường, xã	Quý II/2026
5	Số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo cơ sở để cải cách thủ tục hành chính thực chất; phát triển kinh tế số, xây dựng công dân số	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an Thành phố, TT PVHCC	Các sở, ban, ngành; UBND các phường, xã	Năm 2026
6	Rà soát, thực hiện chính sách mới về thu, nộp lệ phí môn bài đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh từ ngày 01/01/2026 theo quy định của pháp luật hiện hành	Thuế TP Hà Nội	Các sở, ban, ngành; UBND các phường, xã	01/01/2026
7	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phát triển Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành	Quý II/2026
8	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô năm 2025.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành	Quý II/2026
9	Nghiên cứu, điều chỉnh Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch chung Thủ đô đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065	Sở Quy hoạch Kiến trúc; Viện nghiên cứu phát triển KTXH	Các sở, ban, ngành	Quý II/2026

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
II	Thúc đẩy tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tư nhân			
10	Đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN; Kiểm soát chặt chẽ nguồn thu, mở rộng, bao quát nguồn thu bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, khai thác nguồn thu còn dư địa, tiềm năng; tăng tỷ trọng các khoản thu mang tính bền vững.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Thường xuyên
11	Triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng NSNN	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Thường xuyên
12	Kiểm soát lạm phát, đảm bảo cân đối cung - cầu, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Kiểm soát tốt giá cả, thị trường; tuyên truyền sử dụng tiết kiệm điện; thực hiện các giải pháp kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng dưới 4,5%.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Năm 2026
13	Tập trung thu hút vốn đầu tư xã hội, phấn đấu đạt 730 nghìn tỷ đồng, trong đó tăng cường vốn trong nước ngoài ngân sách và thu hút vốn đầu tư nước ngoài có chọn lọc.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Năm 2026
14	Phát triển mạnh thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, tổ chức các hội chợ lớn; phát triển các sản phẩm OCOP, đẩy mạnh thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến; quyết liệt phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Năm 2026
15	Đẩy mạnh xuất khẩu, khai thác hiệu quả các thị trường truyền thống và mở rộng các thị trường mới tại Trung Đông, Châu Phi...	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Năm 2026
16	Xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể để hỗ trợ, khuyến khích thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực mới, công nghệ cao như chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Quý II/2026
17	Triển khai các ứng dụng du lịch số	Sở Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành	Quý III/2026
18	Rà soát, quy hoạch: Bảo tồn, khai thác, phát triển các không gian văn hóa, sáng tạo khu vực đông hồ Hoàn Kiếm, khu vực xung quanh hồ Tây và vùng phụ cận	Sở Quy hoạch – Kiến trúc	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã liên quan	Quý IV/2026

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
19	Hoàn thiện cơ chế thúc đẩy xúc tiến thương mại, du lịch; nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch; kêu gọi đầu tư phát triển các loại hình thương mại - dịch vụ văn minh, hiện đại như mô hình Outlet, Hệ thống máy bán hàng tự động.	Sở Công Thương	Sở Du lịch, các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Quý II/2026
20	Thực hiện hiệu quả Đề án “Thúc đẩy Doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài đến năm 2030”, phấn đấu kim ngạch xuất khẩu tăng 11% trở lên.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Năm 2026
21	Tổ chức các sự kiện, chương trình, hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch trong nước và quốc tế theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả; Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh. Phấn đấu năm 2026 thu hút 8,6 triệu lượt khách du lịch quốc tế và 27,2 triệu lượt khách du lịch nội địa.	Sở Du lịch	Sở Văn hóa và Thể thao, UBND các phường, xã	Năm 2026
22	Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch, các tuyến du lịch văn hóa - làng nghề; mô hình du lịch cộng đồng; mô hình kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Năm 2026
23	Đề án xây dựng các không gian văn hóa sáng tạo tại khu vực trung tâm Thành phố và khu vực thành cổ Sơn Tây; tổ chức Festival Di sản Hà Nội hàng năm từ 2026	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban, ngành, UBND phường, xã liên quan	Quý I/2026
24	Phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp mới nổi như đường sắt, sản phẩm công nghiệp chủ lực. Tăng cường công tác xúc tiến, thu hút đầu tư nước ngoài và trong nước vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ tại các khu, cụm công nghiệp, trong đó ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; tập trung vào các ngành công nghiệp bán dẫn, cơ khí, chế tạo, dệt may - da giày, điện tử - tin học, chế tạo và lắp ráp ô tô, công nghiệp hỗ trợ phục vụ công nghệ cao...	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND phường, xã liên quan	Năm 2026
25	Quản lý cụm công nghiệp gắn với thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý cụm công nghiệp đang hoạt động và chuyển đổi số cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hoàn thành khởi công, động thổ các cụm công nghiệp đã có quyết định thành lập.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND phường, xã liên quan	Năm 2026
26	Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa - sinh thái đặc trưng của nông nghiệp đô thị, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định xã hội và thúc đẩy chuyển đổi sang kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các phường, xã	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
27	Phát triển nông nghiệp đô thị - sinh thái (hoa, cây cảnh, cây đô thị...); tăng diện tích trồng lúa chất lượng cao đạt từ 80% trở lên.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các phường, xã	Năm 2026
28	Xây dựng và vận hành hệ thống cảnh báo, giám sát môi trường trong hoạt động sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư công nghệ xử lý chất thải, nước thải, đồng thời phát triển các mô hình sản xuất năng lượng tái tạo từ phụ phẩm nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các phường, xã	Quý III/2026
29	Phấn đấu có 03 xã đạt chuẩn NTM; số lượng sản phẩm OCOP được đánh giá, phân hạng tăng thêm 300 sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên, trong đó ít nhất 20 sản phẩm được đề xuất đánh giá, phân hạng cấp quốc gia.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các phường, xã	Năm 2026
30	Phát triển phần mềm truy xuất nguồn gốc (check.hanoi.gov.vn), ứng dụng blockchain, xây dựng cơ sở dữ liệu dự báo thị trường và hỗ trợ tiêu thụ qua thương mại điện tử.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành	Quý II/2026
31	Nghiên cứu xây dựng Đề án thử nghiệm ứng dụng blockchain trong quản lý hồ sơ đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND phường, xã liên quan	Quý II/2026
32	Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; triển khai trồng mới 65 ha rừng tập trung.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các phường, xã	Năm 2026
33	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) và hộ kinh doanh theo Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030. Phấn đấu đạt 28 doanh nghiệp hoạt động/ngày đến năm 2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Năm 2026
34	Tổ chức vận hành thông suốt Hệ thống quản lý chỉ tiêu kinh tế xã hội và Hệ thống quản lý thông tin dự án đầu tư trên địa bàn thành phố	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Năm 2026
35	Thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương trên địa bàn Thành phố (DDCI)	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Năm 2026
III	Thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
36	Đẩy nhanh xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số. Xây dựng Khung kiến trúc Chính quyền số thành phố Hà Nội bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Năm 2026

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
37	Thực hiện Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị theo Quyết định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Năm 2026
38	Nâng cấp hạ tầng mạng WAN và Internet cáp quang đến 126 trụ sở mới của 126 phường, xã.	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các phường, xã	Tháng 01/2026
39	Phát triển mạng 5G tại các khu công nghệ cao, khu công nghiệp thông tin, khu công nghiệp	BQL khu CNC&KCN	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý II/2026
40	Triển khai Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Thành phố (LGSP) kết nối 28 hệ thống, cơ sở dữ liệu quốc gia và các bộ, ngành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Quý II/2026
41	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý ngành, lĩnh vực và dữ liệu dân cư.	Công an Thành phố	Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã	Năm 2026
42	Đưa vào khai thác, vận hành Khu công viên CNTT Hà Nội và Khu Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội	BQL khu CNC&KCN	Các sở, ban, ngành	Quý III/2026
IV	Phát triển văn hóa, giáo dục và đào tạo, đảm bảo an sinh, nâng cao phúc lợi xã hội			
43	Xây dựng quy trình số hóa các điểm đến di tích, di sản văn hóa.	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các phường, xã	Quý I/2026
44	Hình thành 1-2 mô hình trung tâm phát triển công nghiệp hóa và khu phát triển thương mại và văn hóa trên địa bàn Thành phố.	Sở Công thương	Sở Văn hóa và Thể thao, UBND các phường, xã	Năm 2026
45	Xây dựng và triển khai các sản phẩm văn hóa tiêu biểu, mang thương hiệu của Thủ đô; tiếp tục nâng cấp và phát triển các sản phẩm, hoạt động dịch vụ văn hóa, nghệ thuật tại các di tích: Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hoàng thành Thăng Long, Nhà tù Hỏa Lò...	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý III/2026

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
46	Khởi công Dự án Nhà hát Opera Hà Nội và Công viên văn hóa - nghệ thuật chuyên đề tại khu vực hồ Đàm Trì, bán đảo Quảng An, Hồ Tây.	Sở Xây dựng	Sở Văn hóa và Thể thao, các sở, ban, ngành liên quan	Quý II/2026
47	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nhằm đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND	Quý I/2026
48	Đề án phát triển giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND phường, xã	Quý I/2026
49	Hoàn thiện cơ chế chính sách, tăng cường tuyên truyền, và đẩy mạnh phân luồng, định hướng nghề nghiệp cho học sinh (từ cấp THCS). Tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, nhất là nhân lực chất lượng cao, và phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Tiếp tục thí điểm mô hình song bằng, đổi mới phương thức đánh giá và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, đặt hàng nhân lực	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành liên quan	Thường xuyên
50	Thực hiện sắp xếp lại các TCT Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC và TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội theo kế hoạch (tinh gọn hợp nhất)	Sở Tài chính	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành	Quý II/2026
51	Thành lập doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố trong lĩnh vực phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Tài chính	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành	Quý II/2026
52	Nghiên cứu, triển khai chương trình đào tạo khởi nghiệp kinh doanh vào các cơ sở giáo dục, đào tạo, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2026
53	Triển khai các hoạt động Đề án “Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của các cơ sở y tế công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội đến năm 2030”	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND các phường, xã	Quý I/2026
54	Đẩy mạnh chuyển đổi số y tế: Triển khai đồng bộ Hồ sơ sức khỏe (phần đầu 100% người dân được quản lý), Bệnh án điện tử, liên thông dữ liệu; phát triển dịch vụ tư vấn khám chữa bệnh từ xa (trên 85% cơ sở và 50% người dân sử dụng).	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND các phường, xã	Quý I/2026
55	Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030; ban hành tiêu chí nghèo và cận nghèo giai đoạn 2026-2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các phường, xã	Quý I/2026

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
56	Phát triển thị trường lao động, hiện đại hóa nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống Sàn giao dịch việc làm. Năm 2026, phấn đấu giải quyết việc làm cho 171.000 lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 3%.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các phường, xã	Quý I/2026
57	Đẩy mạnh đào tạo nghề theo nhu cầu của thị trường lao động, của người sử dụng lao động; Gắn chất lượng đào tạo nghề với ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, đổi mới chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75,8%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55,5%.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các phường, xã	Quý IV/2026
58	Mở rộng diện bao phủ và nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phấn đấu tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 96% dân số và 53% số người tham gia bảo hiểm xã hội trong độ tuổi lao động.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND các phường, xã	Quý IV/2026
59	Triển khai các đề án chuyên biệt như "Đề án Trái cây" và "An toàn thực phẩm trong chợ"; phát triển các vùng sản xuất rau, thịt an toàn vệ sinh, kiểm soát nguồn gốc thực phẩm ngay từ khâu nuôi trồng	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và UBND các phường, xã	Quý II/2026
V	Xây dựng hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có tính kết nối cao; quản lý, phát triển đô thị			
60	Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới đường sắt đô thị, đảm bảo đồng bộ, gắn kết với phát triển đô thị và liên thông, kết nối đa phương thức với các loại hình vận tải khác	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã liên quan	Quý III/2026
61	Các dự án tuyến đường sắt:			
61.1	Đảm bảo tiến độ dự án tuyến đường sắt đô thị số 2.1	BQL Đường sắt đô thị	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã liên quan	2029
61.2	Đảm bảo tiến độ dự án tuyến đường sắt đô thị số 5	BQL Đường sắt đô thị	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã liên quan	2030
61.3	Đảm bảo bố trí kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 theo nhu cầu của các dự án trên	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã liên quan	Quý I/2026

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
61.4	Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu, triển khai thi công dự án tuyến đường sắt đô thị số 2.1, số 5 theo tiến độ thực hiện	BQL Đường sắt đô thị	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã liên quan	Quý II/2026
61.5	Đảm bảo tiến độ công tác GPMB tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã liên quan	Quý I/2026
62	Tham mưu các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài chính khi triển khai các dự án: Đường vành đai 4 – Vùng Thủ đô; các cầu qua sông Hồng (Tứ Liên, Thượng Cát, Trần Hưng Đạo); Trục đại lộ cảnh quan sông Hồng	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã	Năm 2026
63	Hoàn thành khép kín đường vành đai 2.5	Sở Xây dựng	BQLDA ĐTXD công trình giao thông, UBND phường, xã	Quý IV/2026
64	Hoàn thành hệ thống xử lý nước thải Yên Xá, công suất 270.000 m3/ngđ	Sở Xây dựng	BQLDA ĐTXD HTKT&NN	Quý IV/2026
65	Rà soát, hợp lý hóa mạng lưới tuyến xe buýt để tăng tính kết nối, trung chuyển hành khách giữa hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt với tuyến đường sắt đô thị, các khu đô thị mới, trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia, bảo tàng...; đa dạng hóa phương tiện xe buýt, phát triển các tuyến buýt kế cận. Triển khai hệ thống vé điện tử liên thông đa phương thức.	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Quý III/2026
66	Đề án khai thác không gian ngầm khu vực đô thị trung tâm	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã	Quý II/2026
67	Triển khai phương án mua lại quỹ nhà ở thương mại phục vụ tái định cư tại các dự án trên địa bàn Thành phố. Hoàn thành kiểm định, đánh giá chất lượng các nhà chung cư theo quy định; tháo gỡ vướng mắc trong bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải phóng mặt bằng nhằm đẩy nhanh tiến độ cải tạo chung cư cũ	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã liên quan	Quý II/2026
68	Triển khai thí điểm 02-03 khu đô thị thông minh trên cơ sở các tiêu chí và cơ chế đầu tư phù hợp	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã	Quý III/2026
69	Xây dựng hồ sơ quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm. Tổ chức lập Quy hoạch không gian ngầm Thủ đô (kế thừa nội dung quy hoạch ngầm khu vực đô thị trung tâm đã được duyệt).	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã liên quan	Quý III/2026

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
70	Xây dựng Đề án “Tổng thể giảm thiểu ùn tắc giao thông giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo”	Công an Thành phố	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã	Tháng 02/2026
71	Thí điểm xây dựng các phường Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Ba Đình kiểu mẫu về trật tự, văn minh đô thị.	Công an Thành phố	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã liên quan	Tháng 02/2026
72	Rà soát, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, xử lý các điểm trông giữ phương tiện trên địa bàn Thành phố	Công an Thành phố	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã	Tháng 02/2026
73	Xây dựng đề án triển khai thực hiện vùng phát thải thấp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã	Quý I/2026
VI	Khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, đất đai và bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu			
74	Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai và hồ sơ địa chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND phường, xã	Quý I/2026
75	Kế hoạch sử dụng đất, danh mục thu hồi và chuyển mục đích đất trồng lúa; kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND phường, xã	Quý I/2026
76	Đề án khai thác nguồn lực đất đai phục vụ phát triển KTXH, kết cấu hạ tầng, bao gồm quỹ đất vùng phụ cận đường Vành đai 4 và các dự án BT	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã liên quan	Quý II/2026
77	Xử lý dứt điểm các dự án vốn ngoài ngân sách có sử dụng đất chậm triển khai trên địa bàn Thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã liên quan	Quý II/2026
78	Phân loại chất thải rắn tại nguồn; đổi mới quy trình, nâng cao hiệu quả công tác thu gom, vận chuyển, duy trì vệ sinh môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND phường, xã	Quý II/2026
79	Khởi công dự án nhà máy xử lý chất thải rắn: Châu Can, Núi Thoong...	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã liên quan	Quý III/2026
80	Xây dựng lộ trình và cơ chế, chính sách để di dời các cơ sở gây ô nhiễm, cơ sở không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường khỏi khu vực nội thành, khu dân cư để bảo đảm xử lý nguồn thải tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã liên quan	Quý II/2026

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
81	Xây dựng cơ chế, chính sách và lộ trình đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường triệt để đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư, làng nghề; hỗ trợ chuyển đổi nghề với các cơ sở nhỏ, lẻ, quy mô hộ gia đình trong khu dân cư, làng nghề.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND phường, xã liên quan	Quý III/2026
82	Phục hồi chất lượng môi trường các sông: Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các BQL dự án, UBND phường, xã	Quý I/2026
83	Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - Đáy; Kế hoạch kiểm soát, xử lý ô nhiễm nguồn nước hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND phường, xã liên quan	Quý II/2026
84	Chống sạt lở bờ sông, nạo vét sông Nhuệ, sông Đáy, nâng cấp hệ thống đê điều, ứng phó biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND phường, xã liên quan	Quý II/2026
85	Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quý IV/2026
86	Hoàn thiện Đề án xử lý ứng ngập cục bộ	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND các phường, xã	Quý I/2026
87	Đầu tư xây dựng chống ứng ngập cục bộ cho một số điểm thuộc các quận nội đô, Xây dựng tuyến cống thoát nước Long Biên - Cự Khối	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND các phường, xã	Quý I/2026
88	Rà soát, bàn giao các trạm bơm tiêu thoát nước tại các khu vực đô thị không còn phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp về Sở Xây dựng quản lý, đầu tư nâng cấp, vận hành phục vụ công tác tiêu thoát nước, chống ứng ngập	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng	Quý I/2026
89	Rà soát, đề xuất danh mục dự án tiêu thoát nước đầu tư công, dự án tiêu thoát nước đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quý I/2026
90	Triển khai Quy hoạch cao độ nền thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 được tính toán với khả năng ứng phó biến đổi khí hậu	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND các phường, xã	Quý II/2026
VII	Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế			
91	Xây dựng kế hoạch tích hợp, lồng ghép trong các sự kiện đối ngoại; tổ chức các hoạt động đối ngoại có chọn lọc, ưu tiên, phù hợp với đối tác, tiềm năng và nhu cầu của Thành phố	Văn phòng UBND Thành phố	Các sở, ban, ngành	Quý II/2026
92	Xây dựng kế hoạch lồng ghép các hoạt động đối ngoại văn hóa với các đoàn công tác, xúc tiến và hoạt động đón đoàn nước ngoài vào Hà Nội	Văn phòng UBND Thành phố	Các sở, ban, ngành	Quý II/2026

BIỂU A4.1: ĐỀ CƯƠNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 11/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiến độ hoàn thành				Giao chủ trì
			Quý I (tháng 1, 2, 3)	Quý II (tháng 4, 5, 6)	Quý III (tháng 7, 8, 9)	Quý IV (tháng 10, 11, 12)	
1	Chỉ tiêu 1: ...						
2	Chỉ tiêu 2:						
...	...						
...	...						

Hướng dẫn sử dụng biểu mẫu:

1. Mã CTT (Chỉ tiêu - Nhiệm vụ): Đánh mã theo cấu trúc A.B.C để dễ dàng liên kết nhiệm vụ A.B.C với chỉ tiêu A.B.
2. Chỉ tiêu chi tiết (KPI): Phải là các chỉ số có thể đo lường được (số lượng, tỷ lệ, thời gian, mức độ).
3. Sản phẩm cụ thể (Deliverable): Mô tả rõ đầu ra hữu hình của nhiệm vụ (ví dụ: Quyết định phê duyệt, Báo cáo, Hệ thống phần mềm, số km đường được xây dựng, số người tham gia BHYT, BHXH...).
4. Đánh giá kết quả thực hiện: Cập nhật định kỳ (hàng tháng, quý hoặc 6 tháng) bằng số liệu thực tế và nhận xét về mức độ hoàn thành, các vướng mắc, sai khác so với tiến độ ban đầu.
5. Thời gian hoàn thành: Phải xác định rõ ràng là Ngày/tháng/năm hoặc Quý/Năm.

BIỂU A4.2: ĐỀ CƯƠNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	Nhiệm vụ	Chủ trì thực hiện	Mục tiêu, chỉ tiêu, sản phẩm cụ thể cần đạt (Kế hoạch, đề án, chương trình, nhiệm vụ)	Tiến độ hoàn thành (tháng, quý, năm)			
				Quý I (tháng 1, 2, 3)	Quý II (tháng 4, 5, 6)	Quý III (tháng 7, 8, 9)	Quý IV (tháng 10, 11, 12)
1	Nhiệm vụ 1:						
2	Nhiệm vụ 2:...						
3	Nhiệm vụ:....						
...							

Hướng dẫn sử dụng biểu mẫu:

- 1. Mã CTT (Chỉ tiêu - Nhiệm vụ): Đánh mã theo cấu trúc A.B.C để dễ dàng liên kết nhiệm vụ A.B.C với chỉ tiêu A.B.
- 2. Chỉ tiêu chi tiết (KPI): Phải là các chỉ số có thể đo lường được (số lượng, tỷ lệ, thời gian, mức độ).
- 3. Sản phẩm cụ thể (Deliverable): Mô tả rõ đầu ra hữu hình của nhiệm vụ (ví dụ: Quyết định phê duyệt, Báo cáo, Hệ thống phần mềm, số km đường được xây dựng, số người tham gia BHYT, BHXH...).
- 4. Đánh giá kết quả thực hiện: Cập nhật định kỳ (hàng tháng, quý hoặc 6 tháng) bằng số liệu thực tế và nhận xét về mức độ hoàn thành, các vướng mắc, sai khác so với tiến độ ban đầu.
- 5. Thời gian hoàn thành: Phải xác định rõ ràng là Ngày/tháng/năm hoặc Quý/Năm.

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Tài chính theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	I.2.4	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	9,77		10,37		10,93		11,36		10,70	
2	I.7	Thu ngân sách nhà nước	1.000 tỷ đồng	187,7		152,5		147,5		162,5		650,1	
3	I.8	Vốn đầu tư xã hội thực hiện trên địa bàn	1.000 tỷ đồng	109,1		157,4		193,8		269,7		730	
4	I.11	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	1,0		1,0		1,0		1,5		4,5	

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Tài chính theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28 /11 /2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	I.7	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phát triển Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
2	II.10	Đảm bảo cân đối thu, chi ngân sách, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN; Kiểm soát chặt chẽ nguồn thu, mở rộng, bao quát nguồn thu bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, khai thác nguồn thu còn dư địa, tiềm năng; tăng tỷ trọng các khoản thu mang tính bền vững.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Thường xuyên
3	II.11	Triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng NSNN	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Thường xuyên
4	II.13	Tập trung thu hút vốn đầu tư xã hội, phấn đấu đạt 730 nghìn tỷ đồng, trong đó tăng cường vốn trong nước ngoài ngân sách và thu hút vốn đầu tư nước ngoài có chọn lọc.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
5	II.33	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) và hộ kinh doanh theo Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030. Phấn đấu đạt 28 doanh nghiệp hoạt động/ngày đến năm 2030	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
6	II.34	Tổ chức vận hành thông suốt Hệ thống quản lý chỉ tiêu kinh tế xã hội và Hệ thống quản lý thông tin dự án đầu tư trên địa bàn thành phố	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
7	IV.50	Thực hiện sắp xếp lại các TCT Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC và TCT Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội theo kế hoạch (tinh gọn hợp nhất)	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
8	IV.51	Thành lập doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố trong lĩnh vực phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
9	V.61.3	Đảm bảo bố trí kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 theo nhu cầu của các dự án trên	Hoàn thành				
10	V.62	Tham mưu các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Sở Tài chính khi triển khai các dự án: Đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô; các cầu qua sông Hồng (Tứ Liên, Thượng Cát, Trần Hưng Đạo); Trục đại lộ cảnh quan sông Hồng	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
11	V.68	Triển khai thí điểm 02-03 khu đô thị thông minh trên cơ sở các tiêu chí và cơ chế đầu tư phù hợp	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...		Hoàn thành		

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Công Thương theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	I.2.2	Công nghiệp	%	8,73		9,40		9,85		10,43		9,70	
2	I.2.4	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	%	12,28		12,07		13,61		14,29		13,12	
3	I.9	Kim ngạch xuất khẩu tăng	%	8,7		16,0		41,8		11,7		12,0	
4	I.10	Chỉ số giá tiêu dùng	%	< 4,5		< 4,5		< 4,5		< 4,5		< 4,5	
5	III.42	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%									100	

Sở Công Thương cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Công Thương theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	II.12	Kiểm soát lạm phát, đảm bảo cân đối cung - cầu, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Kiểm soát tốt giá cả, thị trường; tuyên truyền sử dụng tiết kiệm điện; thực hiện các giải pháp kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng dưới 4,5%.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
2	II.14	Phát triển mạnh thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, tổ chức các hội chợ lớn; phát triển các sản phẩm OCOP, đẩy mạnh thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến; quyết liệt phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
3	II.15	Đẩy mạnh xuất khẩu, khai thác hiệu quả các thị trường truyền thống và mở rộng các thị trường mới tại Trung Đông, Châu Phi,...	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
4	II.19	Hoàn thiện cơ chế thúc đẩy xúc tiến thương mại, du lịch; nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch; kêu gọi đầu tư phát triển các loại hình thương mại - dịch vụ văn minh, hiện đại như mô hình Outlet, Hệ thống máy bán hàng tự động.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
5	II.20	Thực hiện hiệu quả Đề án “Thúc đẩy Doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài đến năm 2030”, phấn đấu kim ngạch xuất khẩu tăng 11% trở lên.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
6	II.24	Phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp mới nổi như đường sắt, sản phẩm công nghiệp chủ lực. Tăng cường công tác xúc tiến, thu hút đầu tư nước ngoài và trong nước vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ tại các khu, cụm công nghiệp, trong đó ưu tiên các dự án ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; tập trung vào các ngành công nghiệp bán dẫn, cơ khí, chế tạo, dệt may – da giày, điện tử - tin học, chế tạo và lắp ráp ô tô, công nghiệp hỗ trợ phục vụ công nghệ cao...	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
7	II.25	Quản lý cụm công nghiệp gắn với thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý cụm công nghiệp đang hoạt động và chuyển đổi số cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hoàn thành khởi công, động thổ các cụm công nghiệp đã có quyết định thành lập.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
8	IV.44	Hình thành 1-2 mô hình trung tâm phát triển công nghiệp hóa và khu phát triển thương mại và văn hóa trên địa bàn Thành phố.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
9	IV.59	Triển khai các đề án chuyên biệt như "Đề án Trái cây" và "An toàn thực phẩm trong chợ"; phát triển các vùng sản xuất rau, thịt an toàn	Nội dung báo cáo tiến độ	Hoàn thành			

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
		vệ tinh, kiểm soát nguồn gốc thực phẩm ngay từ khâu nuôi trồng	hàng tháng: ...				

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Du lịch theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	I.2.4	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	12,89		12,21		12,91		13,74		13,00	

Sở Du lịch cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia
theo từng quý để thực hiện

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Du lịch theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28 /11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	II.17	Triển khai các ứng dụng du lịch số	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...		Hoàn thành		
2	II.21	Tổ chức các sự kiện, chương trình, hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch trong nước và quốc tế theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả; Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh. Phấn đấu năm 2026 thu hút 8,6 triệu lượt khách du lịch quốc tế và 27,2 triệu lượt khách du lịch nội địa.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
3	II.22	Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch, các tuyến du lịch văn hóa - làng nghề; mô hình du lịch cộng đồng; mô hình kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Nông nghiệp và Môi trường theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

T T	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	I.2.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,43		2,80		4,34		4,06		3,60	
2	II.28	Tỷ lệ nghèo đa chiều <i>(theo tiêu chí của Thành phố)</i>	%									*	
3	II.30	Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%									100	
4	II.31	Số xã được công nhận NTM <i>(tiêu chí 2026 - 2030)</i>	Xã									3	
5	III.37	Tỷ lệ che phủ rừng	%									5,53	
6	III.38	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%									100	
7	III.43	Tỷ lệ số ngày trong năm có chỉ số chất lượng không khí ở mức tốt và trung bình	%									> 80	

*Ghi chú *: Chỉ tiêu cần cụ thể hóa trước ngày 10/12/2025.*

*Sở Nông nghiệp và Môi trường cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 785
30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện*

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Nông nghiệp và Môi trường theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1		Rà soát, tham mưu UBND Thành phố ban hành chuẩn nghèo đa chiều của Thành phố giai đoạn 2026-2030; phân bổ, giao chỉ tiêu giảm nghèo năm 2026 cho UBND cấp xã và các giải pháp để thực hiện hoàn thành chỉ tiêu được giao.	Hoàn thành trước ngày 10/12/2025				
2	I.3	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, huy động sự tham gia của mọi thành phần kinh tế, mọi nguồn lực, nhất là các nguồn lực: tài nguyên nhân văn, tài nguyên đất đai, tài nguyên số...	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...		Hoàn thành		
3	II.26	Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa - sinh thái đặc trưng của nông nghiệp đô thị, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định xã hội và thúc đẩy chuyển đổi sang kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
4	II.27	Phát triển nông nghiệp đô thị - sinh thái (hoa, cây cảnh, cây đô thị...); tăng diện tích trồng lúa chất lượng cao đạt từ 80% trở lên.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
5	II.28	Xây dựng và vận hành hệ thống cảnh báo, giám sát môi trường trong hoạt động sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư công nghệ xử lý chất thải, nước thải, đồng thời phát triển các mô hình sản xuất năng lượng tái tạo từ phụ phẩm nông nghiệp.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...		Hoàn thành		
6	II.29	Phấn đấu có 03 xã đạt chuẩn NTM; số lượng sản phẩm OCOP được đánh giá, phân hạng tăng thêm 300 sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên, trong đó ít nhất 20 sản phẩm được đề xuất đánh giá, phân hạng cấp quốc gia.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
7	II.30	Phát triển phần mềm truy xuất nguồn gốc (check.hanoi.gov.vn), ứng dụng blockchain, xây dựng cơ sở dữ liệu dự báo thị trường và hỗ trợ tiêu thụ qua thương mại điện tử.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
8	II.31	Nghiên cứu xây dựng Đề án thử nghiệm ứng dụng blockchain trong quản lý hồ sơ đất đai	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
9	II.32	Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; triển khai trồng mới 65 ha rừng tập trung.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
10	IV.55	Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030; ban hành tiêu chí nghèo và cận nghèo giai đoạn 2026-2030.	Hoàn thành				
11	IV.59	Triển khai các đề án chuyên biệt như "Đề án Trái cây" và "An toàn thực phẩm trong chợ"; phát triển các vùng sản xuất rau, thịt an toàn vệ sinh, kiểm soát nguồn gốc thực phẩm ngay từ khâu nuôi trồng	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
12	V.61.5	Đảm bảo tiến độ công tác GPMB tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải phòng	Hoàn thành				
13	V.73	Xây dựng đề án triển khai thực hiện vùng phát thải thấp	Hoàn thành				
14	VI.74	Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai và hồ sơ địa chính	Hoàn thành				
15	VI.75	Kế hoạch sử dụng đất, danh mục thu hồi và chuyển mục đích đất trồng lúa; kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất	Hoàn thành				
16	VI.76	Đề án khai thác nguồn lực đất đai phục vụ phát triển KTXH, kết cấu hạ tầng, bao gồm quỹ đất vùng phụ cận đường Vành đai 4 và các dự án BT	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
17	VI.77	Xử lý dứt điểm các dự án vốn ngoài ngân sách có sử dụng đất chậm triển khai trên địa bàn Thành phố	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
18	VI.78	Phân loại chất thải rắn tại nguồn; đổi mới quy trình, nâng cao hiệu quả công tác thu gom, vận chuyển, duy trì vệ sinh môi trường	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
19	VI.79	Khởi công dự án nhà máy xử lý chất thải rắn: Châu Can, Núi Thoong...	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...		Hoàn thành		
20	VI.80	Xây dựng lộ trình và cơ chế, chính sách để di dời các cơ sở gây ô nhiễm, cơ sở không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường khỏi khu vực nội thành, khu dân cư để bảo đảm xử lý nguồn thải tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
21	VI.81	Xây dựng cơ chế, chính sách và lộ trình đầu tư xử lý ô nhiễm môi trường triệt để đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư, làng nghề; hỗ trợ chuyển đổi nghề với các cơ sở nhỏ, lẻ, quy mô hộ gia đình trong khu dân cư, làng nghề.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...		Hoàn thành		
22	VI.82	Phục hồi chất lượng môi trường các sông: Tô Lịch, Kim Ngưu, Lừ, Sét	Hoàn thành				
23	VI.83	Đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - Đáy; Kế hoạch kiểm soát, xử lý ô nhiễm nguồn nước hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
24	VI.84	Chống sạt lở bờ sông, nạo vét sông Nhuệ, sông Đáy, nâng cấp hệ thống đê điều, ứng phó biến đổi khí hậu	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
25	VI.88	Rà soát, bàn giao các trạm bơm tiêu thoát nước tại các khu vực đô thị không còn phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp về Sở Xây dựng quản lý, đầu tư nâng cấp, vận hành phục vụ công tác tiêu thoát nước, chống úng ngập	Hoàn thành				

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Giáo dục và Đào tạo theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	I.2.4	Giáo dục và đào tạo	%	9,34		9,72		9,97		11,26		9,96	
2	II.27	Số trường học công lập đạt chuẩn quốc gia:											
3	II.27	Công nhận mới	Trường									88	
4	II.27	Công nhận lại	Trường									183	
5	II.27	Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia	%									81,2	

Sở Giáo dục và Đào tạo cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện

h

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Giáo dục và Đào tạo theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	IV.47	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nhằm đảm bảo đủ chỗ học cho học sinh.	Hoàn thành				
2	IV.48	Đề án phát triển giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2026-2030	Hoàn thành				
3	IV.49	Hoàn thiện cơ chế chính sách, tăng cường tuyên truyền, và đẩy mạnh phân luồng, định hướng nghề nghiệp cho học sinh (từ cấp THCS). Tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, nhất là nhân lực chất lượng cao, và phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Tiếp tục thí điểm mô hình song bằng, đổi mới phương thức đánh giá và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, đặt hàng nhân lực	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Thường xuyên
4	IV.52	Nghiên cứu, triển khai chương trình đào tạo khởi nghiệp kinh doanh vào các cơ sở giáo dục, đào tạo, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...			Hoàn thành	

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Khoa học và Công nghệ theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	I.2.4	Thông tin và truyền thông	%	10,80		11,27		11,47		11,77		11,34	
2	I.2.4	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	%	9,08		9,86		10,21		10,84		10,07	
3	I.4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%									35	

Sở Khoa học và Công nghệ cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Khoa học và Công nghệ theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	I.2	Cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
2	I.5	Số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo cơ sở để cải cách thủ tục hành chính thực chất; phát triển kinh tế số, xây dựng công dân số	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
3	II.16	Xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp cụ thể để hỗ trợ, khuyến khích thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực mới, công nghệ cao như chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật,...	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
4	III.36	Đẩy nhanh xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số. Xây dựng Khung kiến trúc Chính quyền số thành phố Hà Nội bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ số Việt Nam, phiên bản 4.0	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
5	III.37	Thực hiện Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị theo Quyết định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
6	III.38	Nâng cấp hạ tầng mạng WAN và Internet cáp quang đến 126 trụ sở mới của 126 phường, xã.	Hoàn thành trong tháng 01/2026				
7	III.40	Triển khai Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Thành phố (LGSP) kết nối 28 hệ thống, cơ sở dữ liệu quốc gia và các bộ, ngành.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
8	VI.85	Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...			Hoàn thành	

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Văn hóa và Thể thao theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	I.2.4	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	%	11,58		10,13		11,26		11,47		11,11	
2	I.5	Tỷ trọng công nghiệp văn hóa trong GRDP	%									*	

*Ghi chú *: Chỉ tiêu cần cụ thể hóa trước ngày 10/12/2025.*

Sở Văn hóa và Thể thao cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện

h

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Văn hóa và Thể thao theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28 /11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1		Tham mưu xây dựng chỉ tiêu "Tỷ trọng giá trị gia tăng công nghiệp văn hóa trong GRDP" năm 2026 và các giải pháp để thực hiện hoàn thành chỉ tiêu.	Hoàn thành trước ngày 10/12/2025				
2	II.23	Đề án xây dựng các không gian văn hóa sáng tạo tại khu vực trung tâm Thành phố và khu vực thành cổ Sơn Tây; tổ chức Festival Di sản Hà Nội hàng năm từ 2026.	Hoàn thành				
3	IV.43	Xây dựng quy trình số hóa các điểm đến di tích, di sản văn hóa.	Hoàn thành				
4	IV.45	Xây dựng và triển khai các sản phẩm văn hóa tiêu biểu, mang thương hiệu của Thủ đô; tiếp tục nâng cấp và phát triển các sản phẩm, hoạt động dịch vụ văn hóa, nghệ thuật tại các di tích: Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hoàng thành Thăng Long, Nhà tù Hòa Lò,...	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...		Hoàn thành		

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Y tế theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	I.2.4	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	%	9,73		9,96		10,32		10,39		10,07	
2	II.13	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi									76,6	
3	II.13	Trong đó, số năm sống khỏe	Tuổi									67	
4	II.20	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ									16,1	
5	II.21	Số giường bệnh/vạn dân	Giường									36,8	
6	II.26	Tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần	%									100	
7	III.39	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%									100	

Sở Y tế cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Y tế theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	IV.53	Triển khai các hoạt động Đề án “Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của các cơ sở y tế công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội đến năm 2030”	Hoàn thành				
2	IV.54	Đẩy mạnh chuyển đổi số y tế: Triển khai đồng bộ Hồ sơ sức khỏe (phần đầu 100% người dân được quản lý), Bệnh án điện tử, liên thông dữ liệu; phát triển dịch vụ tư vấn khám chữa bệnh từ xa (trên 85% cơ sở và 50% người dân sử dụng).	Hoàn thành				
3	IV.58	Mở rộng diện bao phủ và nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phần đầu tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 96% dân số và 53% số người tham gia bảo hiểm xã hội trong độ tuổi lao động.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...			Hoàn thành	
4	IV.59	Triển khai các đề án chuyên biệt như "Đề án Trái cây" và "An toàn thực phẩm trong chợ"; phát triển các vùng sản xuất rau, thịt an toàn vệ tinh, kiểm soát nguồn gốc thực phẩm ngay từ khâu nuôi trồng	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Quy hoạch - Kiến trúc theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	T thực hiện	Kịch bản	T thực hiện	Kịch bản	T thực hiện
1	III.32	Tỷ lệ đô thị hóa	%									*	

*Ghi chú *: Chỉ tiêu cần cụ thể hóa trước ngày 10/12/2025.*

Sở Quy hoạch – Kiến trúc cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Quy hoạch - Kiến trúc
theo tiến độ được giao

(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1		Tham mưu xây dựng chỉ tiêu "Tỷ lệ đô thị hóa" năm 2026 và các giải pháp để thực hiện hoàn thành chỉ tiêu.	Hoàn thành trước ngày 10/12/2025				
2	I.9	Nghiên cứu, điều chỉnh Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch chung Thủ đô đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
3	II.18	Rà soát, quy hoạch: Bảo tồn, khai thác, phát triển các không gian văn hóa, sáng tạo khu vực đông hồ Hoàn Kiếm, khu vực xung quanh hồ Tây và vùng phụ cận	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...			Hoàn thành	
4	V.69	Xây dựng hồ sơ quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm. Tổ chức lập Quy hoạch không gian ngầm Thủ đô (kế thừa nội dung quy hoạch ngầm khu vực đô thị trung tâm đã được duyệt).	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...		Hoàn thành		

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Xây dựng theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT Biểu giao	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	I.2.3	Xây dựng	%	10,17		11,96		13,97		15,31		13,46	
2	I.2.4	Vận tải kho bãi	%	14,00		12,73		13,46		13,99		13,54	
3	I.2.4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	%	9,04		9,31		9,59		10,16		9,56	
4	II.30	Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%									100	
5	III.33	Tỷ lệ vận tải HKCC đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân	%									22	
6	III.34	Tổng số nhà ở xã hội hoàn thành	Căn nhà									18.000	
7	III.35	Diện tích nhà ở bình quân	m ² /người									30,5	
8	III.36	Diện tích cây xanh đô thị bình quân	m ² /người									7,9	
9	III.40	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn	%									100	
10	III.41	Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị	%									> 50,2	

Sở Xây dựng cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Xây dựng theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	IV.46	Khởi công Dự án Nhà hát Opera Hà Nội và Công viên văn hóa - nghệ thuật chuyên đề tại khu vực hồ Đàm Trì, bán đảo Quảng An, Hồ Tây.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
2	V.60	Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới đường sắt đô thị, đảm bảo đồng bộ, gắn kết với phát triển đô thị và liên thông, kết nối đa phương thức với các loại hình vận tải khác	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...		Hoàn thành		
3	V.63	Hoàn thành khép kín đường vành đai 2.5	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...			Hoàn thành	
4	V.64	Hoàn thành hệ thống xử lý nước thải Yên Xá, công suất 270.000 m3/ngđ	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...			Hoàn thành	
5	V.65	Rà soát, hợp lý hóa mạng lưới tuyến xe buýt để tăng tính kết nối, trung chuyển hành khách giữa hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt với tuyến đường sắt đô thị, các khu đô thị mới, trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia, bảo tàng...; đa dạng hóa phương tiện xe buýt, phát triển các tuyến buýt kế cận. Triển khai hệ thống vé điện tử liên thông đa phương thức.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...		Hoàn thành		

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
6	V.66	Đề án khai thác không gian ngầm khu vực đô thị trung tâm	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
7	V.67	Triển khai phương án mua lại quỹ nhà ở thương mại phục vụ tái định cư tại các dự án trên địa bàn Thành phố. Hoàn thành kiểm định, đánh giá chất lượng các nhà chung cư theo quy định; tháo gỡ vướng mắc trong bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải phóng mặt bằng nhằm đẩy nhanh tiến độ cải tạo chung cư cũ	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
8	VI.86	Hoàn thiện Đề án xử lý úng ngập cục bộ	Hoàn thành				
9	VI.87	Đầu tư xây dựng chống úng ngập cục bộ cho một số điểm thuộc các quận nội đô, Xây dựng tuyến cống thoát nước Long Biên - Cự Khối	Hoàn thành				
10	VI.89	Rà soát, đề xuất danh mục dự án tiêu thoát nước đầu tư công, dự án tiêu thoát nước đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa	Hoàn thành				
11	VI.90	Triển khai Quy hoạch cao độ nền thoát nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 được tính toán với khả năng ứng phó biến đổi khí hậu	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Nội vụ theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	II.17	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%									75,8	
2	II.17	Trong đó, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	%									55,5	
3	II.18	Tỷ lệ thất nghiệp đô thị	%									< 3,0	

Sở Nội vụ cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Nội vụ theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	I.1	Hoàn thiện bộ máy tổ chức của các xã, phường; bảo đảm vận hành đồng bộ, hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp. Nghiên cứu, triển khai cơ chế chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức.	Hoàn thành				
2	I.4	Xây dựng nền quản trị chính quyền địa phương hiện đại, gắn với chuyển đổi số. Hướng dẫn, đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn, nhất là kỹ năng số và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (KPI) của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lấy mức độ hài lòng của Nhân dân, uy tín và hiệu quả là thước đo.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
3	II.35	Thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương trên địa bàn Thành phố (DDCI)	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
4	III.38	Nâng cấp hạ tầng mạng WAN và Internet cáp quang đến 126 trụ sở mới của 126 phường, xã.	Hoàn thành trong tháng 01/2026				
5	IV.56	Phát triển thị trường lao động, hiện đại hóa nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống Sàn giao dịch việc làm. Năm 2026, phấn đấu giải quyết việc làm cho 171.000 lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 3%.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
6	IV.57	Đẩy mạnh đào tạo nghề theo nhu cầu của thị trường lao động, của người sử dụng lao động; Gắn chất lượng đào tạo nghề với ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, đổi mới chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75,8%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55,5%.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...			Hoàn thành	

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Sở Tư pháp theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	I.8	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô năm 2025.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Công an Thành phố theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 11/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	I.5	Số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo cơ sở để cải cách thủ tục hành chính thực chất; phát triển kinh tế số, xây dựng công dân số	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
2	III.41	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý ngành, lĩnh vực và dữ liệu dân cư.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành
3	V.70	Xây dựng Đề án “Tổng thể giảm thiểu ùn tắc giao thông giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo”	Hoàn thành trong tháng 02/2026				
4	V.71	Thí điểm xây dựng các phường Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Ba Đình kiểu mẫu về trật tự, văn minh đô thị.	Hoàn thành trong tháng 02/2026				
5	V.72	Rà soát, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, xử lý các điểm ùn giữ phương tiện trên địa bàn Thành phố	Hoàn thành trong tháng 02/2026				

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Văn phòng UBND Thành phố theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	VII.91	Xây dựng kế hoạch tích hợp, lồng ghép trong các sự kiện đối ngoại; tổ chức các hoạt động đối ngoại có chọn lọc, ưu tiên, phù hợp với đối tác, tiềm năng và nhu cầu của Thành phố.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
2	VII.92	Xây dựng kế hoạch lồng ghép các hoạt động đối ngoại văn hóa với các đoàn công tác, xúc tiến và hoạt động đón đoàn nước ngoài vào Hà Nội.	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28 /11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	I.5	Số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo cơ sở để cải cách thủ tục hành chính thực chất; phát triển kinh tế số, xây dựng công dân số	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Ngân hàng Nhà nước Khu vực I theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 38/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	I.2.4	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	9,77		10,37		10,93		11,36		10,70	

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Khu vực I cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Thống kê Thành phố theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	I.1	GRDP giá hiện hành, năm cuối kỳ	1.000 tỷ đồng	388,0		434,0		445,0		475,5		1.742,5	
2	I.2	Tăng trưởng GRDP	%	10,23		10,47		11,22		11,87		11,00	
3	I.2.4	Dịch vụ	%	11,06		11,07		11,73		12,21		11,54	
4	I.2.4	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	%	12,67		11,86		13,63		13,80		12,95	
5	I.2.4	Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị- xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	%	9,48		9,81		10,15		10,45		10,00	
6	I.2.4	Hoạt động dịch vụ khác	%	7,24		8,14		8,61		9,10		8,32	
7	I.2.4	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	%	8,75		9,02		9,61		10,00		9,36	
8	I.2.5	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	7,69		8,25		8,62		8,67		8,31	
9	I.3	GRDP bình quân/người	Tr. đồng									198	
10	II.12	Dân số năm cuối kỳ	1.000 người									8.928,8	
11	II.14	Chỉ số phát triển con người	%									0,835	
12	II.16	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	1.000 người									4.250	
13	II.19	Năng suất lao động năm cuối kỳ (giá hiện hành)	Tr. đồng/LĐ									410,0	
14	II.29	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Tr. đồng/người									9,0	

Thống kê thành phố Hà Nội cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:

Thống kê Thành phố theo tiến độ được giao

(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 29/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	Hướng dẫn, tính toán các chỉ tiêu: "Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn", "Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng trên địa bàn cấp xã"; phối hợp với Sở Tài chính tính toán các chỉ tiêu này năm 2026, tham mưu UBND Thành phố giao cho cấp xã để thực hiện	Hoàn thành trước ngày 10/12/2025				

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Thuế Thành phố theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28 /41/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	I.7	Thu dầu thô	1.000 tỷ đồng	0,9		0,9		0,9		0,9		3,5	
2	I.7	Thu nội địa	1.000 tỷ đồng	179,5		142,8		137,1		150,6		610,0	

Thuế Thành phố cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Thuế Thành phố theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	I.6	Rà soát, thực hiện chính sách mới về thu, nộp lệ phí môn bài đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh từ ngày 01/01/2026 theo quy định của pháp luật hiện hành	Thực hiện ngay từ 01/01/2026 (báo cáo tiến độ hằng tháng)				

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Chi cục Hải quan Khu vực I theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28 /11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	I.7	Thuế xuất nhập khẩu	1.000 tỷ đồng	7,30		8,80		9,50		11,00		36,60	

Chi cục Hải quan Khu vực I cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Ban quản lý các Khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	III.39	Phát triển mạng 5G tại các khu công nghệ cao, khu công nghiệp thông tin, khu công nghiệp	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			
2	III.42	Đưa vào khai thác, vận hành Khu công viên CNTT Hà Nội và Khu Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...		Hoàn thành		

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Ban quản lý Đường sắt đô thị Hà Nội theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28 /11 /2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1	V.61.1	Đảm bảo tiến độ dự án tuyến đường sắt đô thị số 2.1	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành năm 2029
2	V.61.2	Đảm bảo tiến độ dự án tuyến đường sắt đô thị số 5	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...				Hoàn thành năm 2030
3	V.61.4	Hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu, triển khai thi công dự án tuyến đường sắt đô thị số 2.1, số 5 theo tiến độ thực hiện	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Bảo hiểm xã hội Khu vực I theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	II.22	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%									96,25	
2	II.23	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trên lực lượng lao động	%									49	
3	II.24	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên lực lượng lao động	%									4	
4	II.25	Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp trên lực lượng lao động	%									46,5	

Bảo hiểm xã hội Khu vực I cụ thể hóa các chỉ tiêu trong ngành, lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện

Biểu A4.3: Mẫu báo cáo việc thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28 /11/2025 của UBND Thành phố)

TT	TT theo Biểu giao chỉ tiêu	Chỉ tiêu phát triển	Đơn vị	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kịch bản tăng trưởng 11% năm 2026									
				Quý I		Quý II		Quý III		Quý IV		Năm 2026	
				Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện	Kịch bản	Thực hiện
1	I.6	Đóng góp của TFP vào tăng trưởng	%									60	
2	II.15	Chỉ số hạnh phúc	Tiêu chí									*	

*Ghi chú *: Chỉ tiêu cần cụ thể hóa trước ngày 10/12/2025.*

Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội cụ thể hóa các chỉ tiêu trong lĩnh vực phụ trách (Căn cứ Văn bản hướng dẫn số 7851/STC-CSPT ngày 30/6/2025 của Sở Tài chính), và chia theo từng quý để thực hiện

Biểu A4.4: Mẫu báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của:
Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội theo tiến độ được giao
(Kèm theo Quyết định số 5969 /QĐ-UBND ngày 28 /11/2025 của UBND Thành phố)

T T	TT theo Biểu giao nhiệm vụ	Nhiệm vụ	Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026				
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Năm 2026
1		Tham mưu xây dựng chỉ tiêu "Chỉ số hạnh phúc" năm 2026 và các giải pháp để thực hiện hoàn thành chỉ tiêu	Hoàn thành trước ngày 10/12/2025				
2	I.9	Nghiên cứu, điều chỉnh Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch chung Thủ đô đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065	Nội dung báo cáo tiến độ hằng tháng: ...	Hoàn thành			